Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 11.11.2026 11:40:22 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 83 /2026/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí chất lượng, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 112/2025/QH15, Luật số 135/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, Nghị định số 35/2025/NĐ-CP, Nghị định số 354/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định tiêu chí chất lượng, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chí chất lượng, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý, bảo trì, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng đối với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng kết quả quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Phương pháp kiểm tra, giám sát được thực hiện bằng một trong các biện pháp hoặc kết hợp giữa các biện pháp kiểm tra hồ sơ, kiểm tra hiện trường, giám sát hiện trường để đánh giá chất lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Chất lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt được đánh giá trên cơ sở trạng thái kỹ thuật công trình trước khi bảo trì, mức độ đầu tư sửa chữa công trình, phương án giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, phương án tác nghiệp kỹ thuật bảo dưỡng công trình. Chất lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt phải bảo đảm các điều kiện về an toàn chạy tàu, an toàn công trình.

3. Công tác kiểm tra việc lập, cập nhật, lưu trữ hồ sơ được thực hiện trên bản giấy hoặc bản điện tử hoặc thông qua cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt trên nguyên tắc thông tin, dữ liệu trên hồ sơ phản ánh đầy đủ và chính xác hiện trạng công trình.

4. Ưu tiên ứng dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng thiết bị đo chuyên dụng, công cụ giám sát hình ảnh để hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Chương II

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG, CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Điều 4. Tiêu chí về chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Tiêu chí chất lượng quản lý việc lập, cập nhật, lưu trữ hồ sơ; công tác tuần đường, tuần cầu, tuần hầm; công tác gác hầm, gác đường ngang, gác cầu chung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tiêu chí chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tiêu chí chất lượng bảo dưỡng công trình cầu, cống, hầm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tiêu chí chất lượng bảo dưỡng công trình đường ngang quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Tiêu chí chất lượng bảo dưỡng công trình kiến trúc quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Tiêu chí chất lượng bảo dưỡng công trình thông tin, tín hiệu đường sắt quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chất lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đánh giá theo các tiêu chí quy định tại Thông tư này được xác định trên cơ sở các chỉ tiêu, thông số, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, chỉ dẫn kỹ thuật, thiết kế của công trình và tiêu chuẩn áp dụng trong quá trình bảo trì.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt phải được doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng và đơn vị trực tiếp bảo trì công trình thực hiện định kỳ, đột xuất theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Nội dung kiểm tra của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng gồm:

a) Kiểm tra việc lập, cập nhật, lưu trữ hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình, hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt, tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt, hồ sơ quản lý đường ngang;

b) Kiểm tra số lượng, chủng loại vật tư, vật liệu, thiết bị theo phương án giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, phương án tác nghiệp kỹ thuật bảo dưỡng công trình được duyệt;

c) Kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị chủ yếu đưa vào bảo dưỡng công trình thông qua kết quả thí nghiệm hoặc chứng nhận chất lượng của nhà cung cấp, kết hợp kiểm tra trực quan và sử dụng thiết bị đo chuyên dùng; kiểm tra tài liệu chứng nhận nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu, thiết bị chủ yếu đưa vào công trình;

d) Kiểm tra hiện trường các điểm xung yếu, công trình xuống cấp có nguy cơ mất an toàn; công trình có dấu hiệu hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu; hệ thống thiết bị thông tin, tín hiệu quan trọng phục vụ điều hành chạy tàu. Các vị trí hiện trường còn lại, việc kiểm tra, giám sát thực hiện thông qua: số liệu quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, kết quả theo dõi, đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng (nếu có); kết quả đo từ máy kiểm tra trạng thái công trình, thiết bị chuyên dùng; hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng công trình.

3. Nội dung giám sát của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng đối với các vị trí bảo dưỡng có thay thế, bổ sung vật tư, vật liệu, thiết bị chủ yếu vào công trình gồm:

a) Theo dõi quá trình thực hiện tại hiện trường, kiểm soát trình tự, phương pháp thực hiện bảo dưỡng, thay thế, bổ sung vật tư, vật liệu, thiết bị chủ yếu vào công trình;

b) Phát hiện và yêu cầu xử lý sai lệch trong quá trình thực hiện.

4. Nội dung kiểm tra, giám sát của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình gồm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và các nội dung khác theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt do đơn vị công bố, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

5. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo các tiêu chí yêu cầu đáp ứng quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V và Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt được đánh giá theo hai mức: "đạt yêu cầu" và "không đạt yêu cầu".

2. Chất lượng dịch vụ được đánh giá là "đạt yêu cầu" khi toàn bộ công tác lập, cập nhật và lưu trữ hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, công tác bảo dưỡng công trình đường sắt được thực hiện đầy đủ và các hạng mục công việc được đánh giá "đạt yêu cầu".

3. Chất lượng dịch vụ được đánh giá là "không đạt yêu cầu" khi một trong các công tác: lập, cập nhật và lưu trữ hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo dưỡng công trình đường sắt thực hiện không đầy đủ hoặc có hạng mục công việc đánh giá "không đạt yêu cầu".

4. Xử lý đối với hạng mục công việc được đánh giá "không đạt yêu cầu":

a) Trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm đánh giá chất lượng, đơn vị thực hiện bảo dưỡng công trình phải sửa chữa, khắc phục các tồn tại, sai sót để được tổ chức kiểm tra, đánh giá lại. Riêng đối với công tác chính gồm: cự ly, thủy bình, cao thấp, phương hướng, chèn tà vẹt, phụ tùng nối giữ, thông tin, tín hiệu bảo đảm an toàn chạy tàu được đánh giá là "không đạt yêu cầu", trong vòng 01 ngày kể từ thời điểm đánh giá chất lượng, đơn vị thực hiện bảo dưỡng công trình phải sửa chữa, khắc phục các tồn tại, sai sót để được tổ chức kiểm tra, đánh giá lại;

b) Việc kiểm tra, đánh giá lại chất lượng dịch vụ thực hiện tối đa không quá

02 lần, được lập thành biên bản giữa đơn vị thực hiện bảo dưỡng công trình và đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng kèm theo các tài liệu chứng minh;

c) Chi phí thực hiện sửa chữa, khắc phục các tồn tại, sai sót để được tổ chức kiểm tra, đánh giá lại do đơn vị trực tiếp bảo trì công trình chịu trách nhiệm chi trả;

d) Trường hợp hạng mục công việc được đánh giá "không đạt yêu cầu" quá 02 lần, toàn bộ hạng mục công việc không được nghiệm thu thanh toán, đơn vị trực tiếp bảo trì công trình chịu trách nhiệm duy trì các biện pháp bảo đảm an toàn chạy tàu và thực hiện lại công tác bảo dưỡng công trình theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 7. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt chỉ được nghiệm thu khi chất lượng dịch vụ được đánh giá là "đạt yêu cầu".

2. Đơn vị trực tiếp bảo trì công trình và đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng phải tổ chức nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo tháng.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

4. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu tháng gồm:

a) Báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình;

b) Nhật ký bảo dưỡng công trình đường sắt; dữ liệu giám sát công trình (nếu có); số liệu kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, kết quả theo dõi, đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng (nếu có).

5. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu theo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công gồm:

a) Báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình;

b) Nhật ký của đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình;

c) Báo cáo xác nhận hoàn thành bảo dưỡng của đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình;

d) Các biên bản nghiệm thu giữa đơn vị trực tiếp bảo trì công trình và đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình.

6. Báo cáo xác nhận hoàn thành bảo dưỡng của đơn vị được giao nhiệm vụ

giám sát công tác bảo dưỡng công trình; biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt giữa đơn vị trực tiếp bảo trì công trình và đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình được lập theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này. Biên bản nghiệm thu đặt hàng, nghiệm thu thanh lý hợp đồng đặt hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt

1. Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia, đơn vị trực tiếp bảo trì công trình trong việc duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và tổ chức quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt.

2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia

a) Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đối với đơn vị trực tiếp bảo trì công trình theo quy định của Thông tư này và quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;

b) Kiểm tra, giám sát việc duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình đã công bố;

c) Thực hiện nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ bảo dưỡng công trình đường sắt theo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

3. Đơn vị trực tiếp bảo trì công trình

a) Xây dựng, công bố hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ, đột xuất chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Thông tư này, quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, giám sát, nghiệm thu của đơn vị mình;

c) Lập báo cáo kết quả thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt gửi doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia và đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt;

d) Chịu trách nhiệm trước doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt do đơn vị mình thực hiện.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Thông tư số 06/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng; Tạp chí xây dựng;
- Lưu: VT, Cục KCHTXD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG

Bùi Xuân Dũng

Phụ lục I

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ VIỆC LẬP, CẬP NHẬT, LƯU TRỮ HỒ SƠ; CÔNG TÁC TUẦN ĐƯỜNG, TUẦN CẦU, TUẦN HẦM; CÔNG TÁC GÁC HẦM, GÁC ĐƯỜNG NGANG, GÁC CẦU CHUNG

(Kèm theo Thông tư số 83 /2026/TT-BXD ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
I	**Công tác lập, cập nhật và lưu trữ hồ sơ**		
1	Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo trì công trình đường sắt		
1.1	Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình	Kiểm tra thành phần và nội dung hồ sơ, đối chiếu thông tin trong hồ sơ với kết quả kiểm tra; số liệu đo đạc, quan trắc, kiểm định và các tài liệu có liên quan. Kiểm tra việc lập, cập nhật hồ sơ theo dõi các công trình, hạng mục, vị trí xung yếu, có dấu hiệu hư hỏng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu. Trường hợp kiểm tra hồ sơ trên bản điện tử hoặc thông qua cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt, các thông tin về phiên bản hồ sơ, thời điểm kiểm tra phải được người kiểm tra và đại diện đơn vị trực tiếp bảo trì công trình xác nhận bằng biên bản.	Hồ sơ trạng thái kỹ thuật được lập cho từng công trình, phù hợp với phạm vi quản lý, đầy đủ thành phần theo quy định. Thông tin trong hồ sơ phản ánh đầy đủ, chính xác tình trạng kỹ thuật thực tế của công trình. Hồ sơ được cập nhật theo quy định, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ khi hoàn thành bảo trì hoặc phát sinh thay đổi trong thực tế. Các công trình, hạng mục, vị trí xung yếu, có dấu hiệu hư hỏng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu được lập, cập nhật hồ sơ đầy đủ; thực hiện phân loại, theo dõi và xử lý theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.
1.2	Hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt	Kiểm tra thành phần và nội dung hồ sơ, đối chiếu thông tin trong hồ sơ với kết quả kiểm tra, bản đồ, mốc giới, cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt và các tài liệu có liên quan (nếu có). Kiểm tra việc lập, cập nhật hồ sơ đối với các vị trí vi	Hồ sơ được lập theo từng tuyến đường sắt trên địa giới hành chính theo phân cấp quản lý của tỉnh, thành phố, đầy đủ thành phần theo quy định. Thông tin trong hồ sơ phản ánh đầy đủ, chính

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		phạm phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt; các vị trí có dấu hiệu vi phạm, thay đổi hiện trạng. Trường hợp kiểm tra hồ sơ trên bản điện tử hoặc thông qua cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt, các thông tin về phiên bản hồ sơ, thời điểm kiểm tra phải được người kiểm tra và đại diện đơn vị trực tiếp bảo trì công trình xác nhận bằng biên bản.	xác tình trạng kỹ thuật thực trạng phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt. Hồ sơ mốc giới đất dành cho đường sắt; tài liệu liên quan đến việc xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt được cập nhật đầy đủ trên hồ sơ. Các vị trí vi phạm phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt; các vị trí có dấu hiệu vi phạm, thay đổi hiện trạng phải được cập nhật trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát hiện.
1.3	Hồ sơ quản lý đường ngang	Kiểm tra thành phần và nội dung hồ sơ, đối chiếu thông tin trong hồ sơ với kết quả kiểm tra hiện trường, việc kiểm tra được thực hiện đối với các hồ sơ được quản lý tại đơn vị trực tiếp bảo trì công trình và hồ sơ được sử dụng tại đường ngang. Trường hợp kiểm tra hồ sơ trên bản điện tử hoặc thông qua cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt, các thông tin về phiên bản hồ sơ, thời điểm kiểm tra phải được người kiểm tra và đại diện đơn vị trực tiếp bảo trì công trình xác nhận bằng biên bản.	Hồ sơ quản lý đường ngang phải được lập, quản lý đầy đủ gồm biểu tổng hợp thống kê các đường ngang cho từng tuyến đường sắt theo địa giới hành chính quản lý cấp xã, cấp tỉnh và hồ sơ quản lý đối với từng đường ngang. Hồ sơ quản lý đối với từng đường ngang gồm: - Hồ sơ hoàn công đường ngang và các công trình khác đã được cấp phép xây dựng trong khu vực đường ngang. - Giấy phép xây dựng đường ngang, quyết định đưa đường ngang vào khai thác, sử dụng. - Bản vẽ mặt bằng khu vực đường ngang thể hiện hành lang an toàn giao thông và các công trình kiến trúc, vật che khuất tầm nhìn trong khu vực đường ngang.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			- Sổ nhật ký theo dõi hoạt động của đường ngang đối với: đường ngang, thiết bị đường ngang và hệ thống báo hiệu đường ngang. - Sổ sách, bảng biểu: bảng giờ tàu, bảng phân công gác đường ngang, sơ đồ phòng vệ khi có chướng ngại trên đường ngang, những thao tác cụ thể của nhân viên gác đường ngang, bảng tóm tắt các điều kỷ luật của nhân viên gác đường ngang, sổ nhật ký gác đường ngang, sổ mệnh lệnh đối với đường ngang có người gác.
2	Hồ sơ bảo trì công trình đường sắt		
2.1	Tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt	Kiểm tra việc quản lý, lưu trữ, cập nhật tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt. Trường hợp kiểm tra hồ sơ trên bản điện tử hoặc thông qua cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt, các thông tin về phiên bản hồ sơ, thời điểm kiểm tra phải được người kiểm tra và đại diện đơn vị trực tiếp bảo trì công trình xác nhận bằng biên bản.	Hồ sơ bảo đảm đầy đủ về thành phần gồm: Kết quả điều tra trạng thái cơ bản của công trình đường sắt; kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt, phương án giá dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt; kết quả kiểm tra công trình đường sắt, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) để phục vụ công tác bảo trì. Hồ sơ được lưu trữ, quản lý và có khả năng tra cứu, đối chiếu khi cần thiết.
2.2	Hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng công trình	Kiểm tra việc lập, cập nhật, quản lý, lưu trữ hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng công trình đường sắt. Đối chiếu nội dung hồ sơ với báo cáo xác nhận hoàn thành bảo dưỡng của đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình, kết quả kiểm tra hiện trường, nhật ký của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình,	Hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng được lập đủ thành phần gồm: - Phương án tác nghiệp kỹ thuật bảo dưỡng công trình được phê duyệt. - Tài liệu quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		nhật ký của đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình.	đường sắt. - Biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác bảo dưỡng. - Báo cáo xác nhận hoàn thành bảo dưỡng của đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình. - Nhật ký của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình và đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình. Nội dung hồ sơ phản ánh đầy đủ, trung thực kết quả thực hiện bảo dưỡng công trình theo quy định. Sau khi nghiệm thu hoàn thành bảo dưỡng công trình, hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng công trình phải được số hóa kèm theo bảng liệt kê danh mục tài liệu để quản lý, theo dõi, tra cứu khi cần thiết.
2.3	Hồ sơ hoàn thành sửa chữa công trình	Kiểm tra việc tiếp nhận, quản lý, lưu trữ, cập nhật hồ sơ hoàn thành sửa chữa công trình vào hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt.	Hồ sơ hoàn thành sửa chữa công trình tiếp nhận từ chủ đầu tư phải lập thành danh mục thành phần hồ sơ và có biên bản bàn giao hồ sơ. Hồ sơ quản lý, lưu trữ với đầy đủ thành phần được bàn giao từ chủ đầu tư. Hồ sơ được lưu trữ, quản lý và có khả năng tra cứu, đối chiếu khi cần thiết. Các thông tin về quy mô sửa chữa công trình phải được cập nhật vào hồ sơ trạng thái kỹ

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			thuật công trình trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ hoàn thành sửa chữa công trình.
2.4	Hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố	Kiểm tra việc tiếp nhận, quản lý, lưu trữ, cập nhật hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố vào hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt.	Hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố tiếp nhận từ đơn vị thi công phải lập thành danh mục thành phần hồ sơ và có biên bản bàn giao hồ sơ. Hồ sơ quản lý, lưu trữ với đầy đủ thành phần được bàn giao từ đơn vị thi công cho đơn vị trực tiếp bảo trì công trình. Hồ sơ được lưu trữ, quản lý và có khả năng tra cứu, đối chiếu khi cần thiết. Các thông tin về quy mô sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố công trình phải được cập nhật vào hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố.
II	**Công tác tuần đường, cầu, hầm, gác hầm**		
1	Công tác tuần đường	- Kiểm tra trực tiếp nhân viên tuần đường về: Tác phong, các dụng cụ, trang thiết bị của nhân viên tuần đường theo quy định (dụng cụ phòng vệ, dụng cụ duy tu nhỏ, sổ sách ghi chép, thiết bị hỗ trợ (nếu có)). - Đối chiếu kết quả báo cáo về tình hình đường, các công việc đã được xử lý trong quá trình tuần đường của sổ tuần đường với thực tế tuyến đường và kết quả theo dõi ở các hồ sơ có liên quan (hồ sơ bảo dưỡng đường, cầu;	- Nhân viên tuần đường phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định; trang phục, bảo hộ lao động đầy đủ; có đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị của nhân viên tuần đường theo quy định. - Kết quả kiểm tra bố trí nhân sự tuần đường trong giai đoạn được kiểm tra nghiệm thu phù hợp với dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		hồ sơ khắc phục sự cố v.v...). - Đối chiếu biểu đồ tuần đường với: Biên bàn giao, nhận ban với nhân viên tuần đường, các trạm chắn, trực ban chạy tàu ga, dữ liệu lưu trữ của camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có) để đánh giá tính chính xác của biểu đồ tuần đường thực tế.	sát khác (nếu có). - Thực hiện đúng tuyến, đúng thời gian, đủ số lượt theo kế hoạch; hồ sơ ghi chép đầy đủ, trung thực; phát hiện, báo cáo, phòng vệ và xử lý kịp thời các hư hỏng, nguy cơ mất an toàn chạy tàu theo quy định của quy trình tuần đường.
2	Công tác tuần gác cầu	- Kiểm tra trực tiếp nhân viên tuần gác cầu về: Tác phong, các dụng cụ, trang thiết bị của nhân viên tuần gác cầu theo quy định. - Kiểm tra lịch phân công, sổ nhật ký tuần gác cầu. - Kiểm tra đối chiếu nội dung ghi chép trong sổ sách tuần cầu và dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có) và với thực tế công trình; ưu tiên tập trung vào kết cấu chịu lực, bộ phận chủ yếu như mố, trụ, gối, dầm cầu và các vị trí có dấu hiệu bất thường.	- Nhân viên tuần gác cầu phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định; trang phục, bảo hộ lao động đầy đủ; có đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị của nhân viên tuần gác cầu theo quy định. - Kết quả kiểm tra bố trí nhân sự tuần gác cầu trong giai đoạn được kiểm tra nghiệm thu phù hợp với dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có). - Thực hiện tuần gác cầu đúng tần suất, thời gian, phạm vi và nội dung theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt. - Không bỏ ca, bỏ vị trí hoặc bỏ nội dung kiểm tra theo quy định. - Sổ/nhật ký phản ánh đầy đủ, trung thực tình trạng cầu và các diễn biến bất thường như xói lở, va trôi, nứt, biến dạng, hư hỏng kết cấu. - Bất thường có nguy cơ ảnh hưởng an toàn phải được báo cáo và thực hiện biện pháp phòng vệ, xử lý theo quy định.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
3	Công tác tuần gác hầm	- Kiểm tra trực tiếp nhân viên tuần gác hầm về: Tác phong, các dụng cụ, trang thiết bị của nhân viên tuần gác hầm theo quy định. - Kiểm tra lịch phân công, sổ nhật ký tuần gác hầm. - Kiểm tra đối chiếu nội dung ghi chép trong sổ sách tuần gác hầm với dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có) và với thực tế công trình; ưu tiên tập trung vào kết cấu chịu lực, bộ phận chủ yếu như cửa hầm, vỏ hầm, nền đường, hệ thống thoát nước, chiếu sáng … và các vị trí có dấu hiệu bất thường.	- Nhân viên tuần gác hầm phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định; trang phục, bảo hộ lao động đầy đủ; có đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị của nhân viên tuần gác hầm theo quy định. - Kết quả kiểm tra bố trí nhân sự tuần gác hầm trong giai đoạn được kiểm tra nghiệm thu phù hợp với dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có). - Thực hiện tuần gác hầm đúng tần suất, thời gian, phạm vi và nội dung theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt. - Hồ sơ ghi chép đầy đủ, trung thực tình trạng công trình và các bất thường như thấm, nứt, đá rơi, ngập nước, hư hỏng hệ thống thoát nước, chiếu sáng, thông gió. - Bất thường có nguy cơ ảnh hưởng an toàn chạy tàu phải được báo cáo và thực hiện biện pháp phòng vệ, xử lý theo quy định.
III	**Công tác gác đường ngang, cầu chung**		
1	Công tác gác đường ngang	- Kiểm tra trực tiếp tại nhà gác đường ngang về nhân sự gác đường ngang, lịch phân công, sổ giao nhận ca, sổ nhật ký gác đường ngang và các hồ sơ quản lý đường ngang. - Kiểm tra thao tác đóng, mở chắn; sử dụng tín hiệu, thiết bị phòng vệ; duy trì thông tin liên lạc và thực hiện các thao tác khi có tàu hoặc chướng ngại trên đường ngang.	- Nhân viên gác đường ngang phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định; trang phục, bảo hộ lao động đầy đủ; Các thiết bị, công cụ phục vụ phòng vệ và thông tin liên lạc được duy trì trong trạng thái hoạt động theo quy định. - Kết quả kiểm tra bố trí nhân sự gác đường

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		- Kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị, công cụ phòng vệ và trang thiết bị phục vụ công tác gác. - Kiểm tra đối chiếu nội dung ghi chép trong sổ sách gác đường ngang với dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có) về bố trí nhân sự gác đường ngang và thực tế công trình đường ngang có liên quan đến nhiệm vụ của nhân viên gác đường ngang.	ngang trong giai đoạn được kiểm tra nghiệm thu phù hợp với dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có). - Đường ngang có người gác được bố trí người gác thường trực liên tục suốt ngày đêm theo chế độ ban, kíp; thực hiện đúng quy trình phòng vệ đường ngang. - Nhân viên gác thực hiện đúng thao tác đóng, mở chắn, sử dụng tín hiệu và các biện pháp phòng vệ theo quy định. - Sổ nhật ký và hồ sơ gác đường ngang được ghi chép đầy đủ, chính xác, trung thực. - Khi có chướng ngại hoặc nguy cơ mất an toàn, thực hiện phòng vệ, thông báo và xử lý theo quy định.
2	Công tác gác cầu chung	- Kiểm tra trực tiếp tại nhà gác cầu chung về nhân sự gác cầu, lịch phân công, sổ giao nhận ca, sổ nhật ký gác cầu và các hồ sơ quản lý cầu chung. - Kiểm tra việc điều tiết giao thông đường bộ, đường sắt qua cầu; theo dõi tình trạng cầu, luồng sông và phương tiện thủy. - Kiểm tra tình trạng thiết bị cảnh báo, tín hiệu phòng vệ, chắn cầu và phương tiện thông tin liên lạc. - Kiểm tra đối chiếu nội dung ghi chép trong sổ sách gác cầu chung với dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có) về bố trí nhân sự gác cầu và thực tế công trình cầu chung có liên quan đến nhiệm vụ của nhân viên gác cầu.	- Nhân viên gác cầu chung phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định; trang phục, bảo hộ lao động đầy đủ; các thiết bị, công cụ phục vụ phòng vệ và thông tin liên lạc được duy trì trong trạng thái hoạt động theo quy định. - Kết quả kiểm tra bố trí nhân sự gác cầu chung trong giai đoạn được kiểm tra nghiệm thu phù hợp với dữ liệu camera/GPS hoặc thiết bị giám sát khác (nếu có). - Có người trực gác liên tục theo chế độ, thời gian quy định đối với cầu chung; không bỏ ca, bỏ vị trí.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			- Thực hiện đúng quy trình điều tiết giao thông dùng chung giữa đường sắt và đường bộ; thực hiện đúng thao tác đóng, mở chắn cầu chung và các biện pháp phòng vệ. - Theo dõi, phát hiện kịp thời nguy cơ va trôi, phương tiện hoặc chướng ngại vật uy hiếp an toàn kết cấu cầu, luồng đường thủy; thực hiện biện pháp phòng vệ theo quy định khi có nguy cơ mất an toàn. - Hồ sơ, sổ trực gác ghi chép đầy đủ, chính xác, trung thực các diễn biến trong ca trực.

Phụ lục II

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

(Kèm theo Thông tư số 83 /2026/TT-BXD ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
I	**Quy định kiểm tra, đánh giá chất lượng thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt thông thường (dùng chung cho khổ đường 1000mm, 1435mm và đường lồng (1435mm và 1000mm)**		
1	Cự ly đường	Dùng thước đo cự ly chuyên dùng để đo cự ly và xác định tỷ lệ biến đổi cự ly của kiến trúc tầng trên đường sắt.	Sai số cự ly và tỷ lệ (‰) biến đổi cự ly đường nằm trong giới hạn cho phép.
2	Thủy bình	Dùng thước đo thủy bình chuyên dùng để đo chênh cao giữa hai mặt ray và xác định tỷ lệ biến đổi chênh cao.	Độ chênh cao độ mặt ray và tỷ lệ (‰) biến đổi thủy bình trên đường thẳng và đường cong nằm trong giới hạn cho phép.
3	Cao thấp	- Quan sát trực quan bằng mắt hoặc bằng bảng ngắm để đánh giá, xác định sơ bộ phạm vi cao độ đỉnh ray bị võng. - Sử dụng dây cước và thước thép để xác định độ võng lớn nhất của đỉnh ray và xác định tỷ lệ biến đổi cao thấp của đỉnh ray tại các khu vực bị võng cục bộ.	Tỷ lệ biến đổi (‰) cao thấp nằm trong giới hạn cho phép.
4	Phương hướng	- Quan sát trực quan bằng mắt hoặc bằng bảng ngắm để đánh giá, xác định sơ bộ phạm vi ray trên đường thẳng bị sai lệch cục bộ phương hướng. - Sử dụng dây cước và thước thép để đo độ lệch lớn nhất của các đoạn sai lệch cục bộ trên đường thẳng và giá trị đường tên của các đoạn cung tròn đối với đường cong tròn và đường cong hoãn hòa; xác định tỷ lệ sai số cục bộ trên đường thẳng.	- Đoạn dài nhìn chung phải thẳng, sai số phương hướng cục bộ trên đường thẳng (‰) nằm trong giới hạn cho phép. - Sai số đường tên f của dây cung 20m, dây cung 10m (đối với cả đường cong tròn và đường cong chuyển tiếp) nằm trong giới hạn cho phép.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
5	Chèn tà vẹt	- Sử dụng quả đà để kiểm tra độ chặt đối với tà vẹt sắt, tà vẹt gỗ. - Sử dụng cuốc chèn để kiểm tra độ chặt đối với tà vẹt bê tông; tà vẹt mối và tà vẹt áp mối phải kiểm tra ở cả 4 nách, tà vẹt giữa cầu ray chỉ cần kiểm tra ở hai nách tà vẹt.	- Tỷ lệ tà vẹt lỏng (tà vẹt mối và áp mối nhân hệ số phụ thuộc vào tốc thiết kế), số tà vẹt giữa cầu ray lỏng liên tục nằm trong giới hạn cho phép.
6	Phụ tùng nối giữ	Quan sát trực quan bằng mắt và sử dụng cà lê lực, búa gõ đinh để xác định: - Số lượng phụ kiện nối giữ ray - tà vẹt bị thiếu, lỏng, mất tác dụng. - Số lượng bu lông, vòng đệm, lập lách, phòng xô thiếu, mất, hở lỏng. - Số lượng thanh giằng cự ly thiếu, mất, hở lỏng. - Số lượng đinh, phối kiện không được làm dầu.	- Tỷ lệ % phụ kiện nối giữ ray - tà vẹt các loại thiếu, lỏng, mất tác dụng nằm trong giới hạn cho phép. - Số lượng bu lông, vòng đệm, phòng xô, thanh giằng cự ly thiếu mất, hở lỏng nằm trong giới hạn cho phép. - Toàn bộ đinh, phối kiện phải được làm sạch và tra dầu đầy đủ.
7	Đầu mối ray	Sử dụng thước 1m và thước thép để đo giá trị đầu mối ray bị gục; đo độ lệch dọc đầu mối giữa hai ray trái phải đối với đường đặt ray đối xứng.	- Độ gục hoặc cao đối của mối nối ray (cả mối đối xứng hoặc mối so le) nằm trong giới hạn cho phép. - Đối với đường đặt ray đối xứng, mối nối so le nằm trong giới hạn cho phép (trong đường cong trị số so le được +1/2 trị số rút ngắn của ray tiêu chuẩn).
8	Khe hở ray	Sử dụng thước lá tre để đo khe hở của mối nối ray.	Số lượng mối cháy liên tục nằm và số lượng mối có khe hở rộng quá tiêu chuẩn nằm trong giới hạn cho phép.
9	Ray	Sử dụng thước thép, thước kẹp, kính lúp, máy siêu âm để đo các khuyết tật bề mặt ray và khuyết tật bên trong ray.	- Đối với ray thay mới theo kế hoạch bảo trì: các thông số về kích thước và chất lượng ray phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			theo quy định. - Đối với ray hiện hữu: Kết quả kiểm tra được so sánh với kết quả kiểm tra kỳ trước để đánh giá diễn biến khuyết tật. Ray có khuyết tật phải được đánh dấu, theo dõi và có giải pháp xử lý theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và yêu cầu kỹ thuật áp dụng.
10	Tà vẹt	Quan sát bằng mắt thường kiểm tra bề mặt các tà vẹt bị sai quy cách, sử dụng thước thép để xác định các khuyết tật của tà vẹt, đánh giá chất lượng tà vẹt theo các tiêu chuẩn của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; đo đạc khoảng cách giữa các tà vẹt, độ vuông góc của tà vẹt so với tim đường sắt.	- Sai số về khoảng cách hoặc độ chéo của tà vẹt nằm trong giới hạn cho phép. - Toàn bộ tà vẹt sai quy cách nhưng được phép dùng phải được đánh dấu. - Tỷ lệ tà vẹt sai quy cách mục, vỡ, mất tác dụng hoàn toàn; số lượng tà vẹt hỏng hoặc mất tác dụng trong phạm vi đường cong hòa hoãn, tà vẹt mối và tà vẹt áp mối; số thanh tà vẹt hỏng liên tục phải nằm trong giới hạn cho phép. - Khoảng cách tà vẹt sai hoặc chéo nằm trong giới hạn cho phép.
11	Nền đá ba lát	- Quan sát trực quan bằng mắt để đánh giá theo tiêu chí nền đá phải gọn gàng, sạch sẽ không lẫn tạp chất, cỏ rác và khả năng thoát nước của nền đá. - Sử dụng thước thép để đo đạc kích thước mặt cắt ngang nền đá ba lát bao gồm: Độ dày nền đá tính cả lớp đệm, độ rộng bề mặt đá, độ ngậm đá của tà vẹt, độ dốc mái taluy.	- Kích thước mặt cắt ngang nền đá phải đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng; trường hợp phương án bảo dưỡng được phê duyệt chưa thể đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật của nền đá thì việc đánh giá căn cứ trên cơ sở trạng thái kỹ thuật hiện trạng đã được ghi nhận trong

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			hồ sơ quản lý và các điều kiện đảm bảo an toàn công trình, an toàn chạy tàu. - Nền đá ba lát phải gọn gàng, bằng phẳng, làm băng két phải thẳng. - Nền đường không có hiện tượng phụt bùn, sạch sẽ không lẫn tạp chất, cỏ rác, thoát nước tốt.
II	**Quy định kiểm tra, đánh giá chất lượng thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt ray hàn liền khổ đường 1000mm**		
1	Cự ly	Dùng thước đo cự ly chuyên dùng để đo cự ly và tỷ lệ biến đổi cự ly của kiến trúc tầng trên đường sắt.	- Cự ly sai không quá +4 -3 mm. - Tỷ lệ biến đổi cự ly (5m/đo 1 điểm) không quá 1.0‰.
2	Thủy bình	Dùng thước đo thủy bình chuyên dùng để đo chênh cao giữa hai mặt ray và xác định tỷ lệ biến đổi thủy bình.	-Thủy bình sai không quá ± 5 mm. -Tỷ lệ biến đổi thủy bình trên đường thẳng và cong tròn không quá 1,0 ‰.
3	Cao thấp	Quan sát bằng mắt hoặc bằng bảng ngắm để xác định sơ bộ các đoạn đường ray bị vồng hoặc võng, sau đó dùng thước thép, dây cước và thiết bị đo cao độ để xác định cao độ, độ võng lớn nhất của đỉnh ray và xác định tỷ lệ biến đổi cao thấp của đỉnh ray tại các khu vực bị võng cục bộ.	Cao độ đỉnh ray so với thiết kế ≤ ± 10 mm. Tỷ lệ biến đổi cao thấp đỉnh ray không quá 1,0 ‰.
4	Phương hướng	- Quan sát trực quan bằng mắt hoặc bằng bảng ngắm để đánh giá, xác định sơ bộ phạm vi ray trên đường thẳng bị sai lệch cục bộ phương hướng. - Sử dụng dây cước và thước thép để đo độ lệch lớn nhất của các đoạn sai lệch cục bộ trên đường thẳng và giá trị đường tên của các đoạn cung tròn đối với đường cong tròn và đường cong hoãn hòa; xác định tỷ lệ sai số cục bộ trên đường thẳng.	- Đoạn dài nhìn chung phải thẳng, tỷ lệ biến đổi sai số phương hướng đoạn cục bộ trên đường thẳng không quá 1.0‰. - Trên đường cong sai số hai đường tên (f) liên tiếp cung đo 20m không quá 7mm đối với đường cong R>500m và không quá 6mm đối với đường cong R từ 301-500m.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
5	Chèn tà vẹt	- Sử dụng quả đà để kiểm tra độ chặt đối với tà vẹt gỗ. - Sử dụng cuốc chèn để kiểm tra độ chặt đối với tà vẹt bê tông; tà vẹt mối và tà vẹt áp mối phải kiểm tra ở cả 4 nách, tà vẹt giữa cầu ray chỉ cần kiểm tra ở hai nách tà vẹt.	- Tà vẹt lỏng (lẻ tẻ) không quá 10% (tà vẹt mối và áp mối của khu đệm co dãn 1 thanh lỏng tính bằng 04 thanh). - Tà vẹt lỏng liên tục không quá 01 thanh.
6	Phụ kiện liên kết ray, tà vẹt	Quan sát trực quan bằng mắt và sử dụng thước thép, thước căn lá, cà lê lực, búa gõ đinh để xác định: - Độ áp sát của căn sắt với đế ray và căn nhựa. - Chất lượng của miếng đế ray. - Mô men xoắn của bu lông cóc. - Số lượng thanh giằng cự ly thiếu, mất, hở lỏng. - Chất lượng, số lượng của các phụ kiện đàn hồi khác.	- Loại đàn hồi kiểu ω sử dụng trên tà vẹt bê tông dự ứng lực. + Miệng căn sắt áp khít đế ray, đế áp khít, căn nhựa số lượng không đảm bảo không được quá 8%. + Đệm dưới đế ray không đảm bảo không được quá 5%. + Mômen xoắn của bu lông đảm bảo 80~150 N.m (tương ứng khe cóc đàn hồi và căn sắt 0,1~1mm), số không tốt không quá 8%. - Các loại phụ kiện liên kết đàn hồi khác: theo thiết kế cụ thể từng loại và yêu cầu của dự án.
7	Tà vẹt	Quan sát bằng mắt thường kiểm tra bề mặt các tà vẹt bị sai quy cách, sử dụng thước thép để xác định các khuyết tật của tà vẹt, đánh giá chất lượng tà vẹt theo các tiêu chuẩn của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; đo đạc khoảng cách giữa các tà vẹt, độ vuông góc của tà vẹt so với tim đường sắt.	- Tỷ lệ tà vẹt mất tác dụng không quá 10%; Tà vẹt hỏng liên tục không quá 01 thanh. - Tà vẹt lệch xiên không quá 40mm. - Khoảng cách tà vẹt sai số không quá 40mm.
8	Kích thước nền đá ba lát	- Quan sát trực quan bằng mắt để đánh giá theo tiêu chí nền đá phải gọn gàng, sạch sẽ không lẫn tạp chất, cỏ rác và khả năng	- Nền đá ba lát phải gọn gàng, bằng phẳng, làm bằn két phải thẳng.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		thoát nước của nền đá. - Sử dụng thước thép để đo đạc kích thước mặt cắt ngang nền đá ba lát bao gồm: Độ dày nền đá tính cả lớp đệm, độ rộng bề mặt đá, độ ngậm đá của tà vẹt, độ dốc mái taluy.	- Nền đường không có hiện tượng phụt bùn, sạch sẽ không lẫn tạp chất, cỏ rác, thoát nước tốt. - Mặt cắt đúng thiết kế, đá trong khoang tà vẹt phải đều, đủ, đầm chèn chặt, không có điểm xấu. - Sai số chiều dầy đá dưới đáy tà vẹt +5; -0 cm; Khoảng cách từ đầu tà vẹt đến mép vai đá không dưới 35 cm.
9	Nhiệt độ khóa ray	Kiểm tra hồ sơ về nhiệt độ khóa ray của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình trong quá trình bảo dưỡng đường sắt (nếu có).	- Nhiệt độ khóa ray chênh lệch với nhiệt độ khóa ray thiết kế không quá 5^0C. - Nhiệt độ khóa ray giữa hai ray của một đoạn đường không mối nối chênh lệch không quá 3^0C. - Nhiệt độ khóa ray giữa hai dải ray hàn liền kề chênh lệch không quá 10^0C.
10	Đầu dải ray hàn liền đường không mối nối	Sử dụng thước thép và thước chữ T để đo độ so le đầu mối ray của dải ray hàn liền.	Đầu hai dải ray của một đoạn đường ray hàn liền không mối nối so le nhau không quá 40 mm.
11	Mối nối lập lách	Quan sát trực quan bằng mắt để đánh giá tổng thể chung về mối nối; sử dụng cà lê lực và thước căn lá để đo lực xiết của bu lông và độ áp khít của lập lách với ray.	- Mối nối ray đảm bảo luôn ở trạng thái tốt, thẳng, phẳng. - Tiếp xúc của lập lách với cằm, đế ray phải chặt khít, khe hở cục bộ không quá 1mm. - Lực xiết của bu lông phải đảm bảo ≥ 900N.m.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			- Mối cháy liên tục không quá 2 mối
12	Bu lông mối khu điều chỉnh co dãn	Sử dụng cà lê lực để đo lực xiết của bu lông mối khu điều chỉnh co giãn.	Bu lông đầu mối nối khu điều chỉnh co dãn dùng bu lông cường độ cao, số lượng đủ (06 cái/mối), mô men xoắn đảm bảo 900N.m; số xấu đảm bảo không quá 8%.
13	Khe hở mối ray khu điều chỉnh co dãn	Sử dụng nhiệt kế và thước lá tre để đo khe hở mối ray khu vực điều chỉnh co giãn ở phạm vi nhiệt độ khóa ray thiết kế.	Khe hở các đầu mối nối ray dao động trong khoảng từ 2 ÷ 10mm.
14	Khe co dãn	Sử dụng thước thép và búa 4 ly để đo: Độ áp khít của ray lưỡi và ray tiếp xúc, độ sà giữa ray lưỡi và ray cơ bản; phạm vi tiếp xúc được đánh bóng giữa ray lưỡi và ray cơ bản; khoảng cách giữa ray lưỡi và cóc, khoảng cách giữa ray cơ bản và chống cạnh ray (móng trâu); độ khuyết tật của ray lưỡi.	- Khoảng tiếp xúc giữa ray lưỡi (và ray cơ bản ≤ 3mm. - Ray lưỡi và ray cơ bản bị sà xuống ≤1mm. - Phạm vi mặt tiếp xúc được đánh bóng giữa ray lưỡi và ray cơ bản >300mm. - Khoảng cách giữa ray lưỡi và cóc, khoảng cách giữa ray cơ bản và chống cạnh ray (móng trâu) từ 0.5mm ÷<1.0mm. - Độ khuyết tật của ray lưỡi nằm trong ngưỡng cho phép của lưỡi ghi có tốc độ thiết kế qua hướng thẳng tương ứng.
15	Mối hàn ray	Quan sát trực quan để đánh giá sơ bộ các khuyết tật của mối hàn. Sử dụng thước thép, thước 1m và thước kẹp để đo độ gục của mối.	- Các mối hàn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không khuyết tật. - Độ cao thấp mối hàn ở mặt lăn nấm ray và má ray (tiếp xúc bánh xe) khi dùng thước phẳng dài 1m kiểm tra: + Chênh lệch trên mặt lăn nấm ray không

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			quá 0,5mm. + Chênh lệch trên má làm việc của nấm ray không quá 0,5mm. - Khi mối hàn nằm trên tà vẹt, độ cao thấp đế hai ray chênh lệch không quá 1,0mm.
16	Mốc quan trắc chuyển vị	Quan sát bằng trực quan và sử dụng thước thép để xác định vị trí, chất lượng của mốc.	Chôn đủ theo thiết kế, chắc chắn, vạch dấu rõ ràng, có hồ sơ theo dõi cập nhật chuyển vị đầy đủ.
17	Lượng chuyển vị đường	Kiểm tra hồ sơ theo dõi của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình về độ chuyển vị của ray trong vòng 05 ngày sau khi thay ray hoặc có các tác nghiệp có thể làm thay đổi nhiệt độ khóa đường thiết kế.	- Chuyển vị tại hai đầu ray (khu vực co dãn của ray) không quá 20mm. - Chuyển vị tại cọc giữa khu vực cố định của ray hàn liền không quá 0,5mm.
18	Lực cản dịch chuyển ngang tà vẹt của đá ba lát	Sử dụng thiết bị đo chuyên dụng để đo lực cản dịch chuyển ngang tà vẹt của đá ba lát (thực hiện đối với những vị trí có độ dịch chuyển bất thường: sai lệch hình học quá mức, sau tác nghiệp bảo trì đá ba lát, rung động bất thường của phương tiện).	Lực cản dịch chuyển ngang tà vẹt của đá ba lát ≥ 400 kgf/m (tương đương giá trị đọc được từ máy đo lực kháng là ≥ 527kg).
19	Lực cản dịch chuyển dọc tà vẹt của ba lát	Sử dụng thiết bị đo chuyên dụng để đo lực cản chuyển ngang tà vẹt của đá ba lát (thực hiện đối với những vị trí có độ dịch chuyển bất thường: sai lệch hình học quá mức, sau tác nghiệp bảo trì đá ba lát, rung động bất thường của phương tiện).	Lực cản dịch chuyển dọc tà vẹt của ba lát ≥ 600 kg/m (tương đương giá trị đọc được từ máy đo lực kháng là ≥ 790kg).
III	**Quy định kiểm tra, đánh giá chất lượng thực hiện bảo dưỡng công trình ghi**		
1	Cự ly	Dùng thước đo cự ly chuyên dùng và thước thép để đo cự ly và tính toán tỷ lệ biến đổi cự ly của ghi; vị trí các điểm đo tuân thủ theo sơ đồ kiểm tra tương ứng với từng loại ghi quy định tại quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.	Sai số cự ly và tỷ lệ (‰) biến đổi cự ly của ghi nằm trong giới hạn cho phép.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
2	Cự ly tâm ghi	Dùng thước đo cự ly chuyên dùng và thước thép để đo cự ly và đường tại vị trí tâm ghi (tại mặt cắt 40mm ray tâm ghi).	Sai số cự ly đường tại vị trí tâm ghi nằm trong giới hạn cho phép.
3	Thủy bình	Dùng thước đo thủy bình chuyên dùng để đo chênh cao giữa hai mặt ray của ghi và xác định tỷ lệ biến đổi thủy bình; vị trí đo trùng với vị trí đo cự ly của ghi.	Độ lớn sai số thủy bình và tỷ lệ biến đổi thủy bình (‰) trên đường thẳng và đường cong nằm trong giới hạn cho phép.
4	Cao thấp	- Quan sát trực quan bằng mắt hoặc bằng bảng ngắm để đánh giá, xác định sơ bộ phạm vi cao độ đỉnh ray bị võng. - Sử dụng dây cước và thước thép để xác định độ võng lớn nhất của đỉnh ray và xác định tỷ lệ biến đổi cao thấp của đỉnh ray tại các khu vực bị võng cục bộ.	Tỷ lệ biến đổi cao thấp (‰) của đỉnh ray trong phạm vi bộ ghi nằm trong giới hạn cho phép.
5	Phương hướng	- Ngắm trực quan bằng mắt để đánh giá phương hướng tổng thể theo hướng thẳng của ghi. - Sử dụng dây cước, thước thép và thước chữ A để: đo độ lệch và xác định tỷ lệ biến đổi phương hướng theo hướng thẳng đối với các vị trí sai lệch cục bộ; đo đường tên của tâm ghi thẳng; đo tọa độ của các điểm đường cong nối dẫn y1, y2, y3, y4 của ghi.	- Phương hướng đường thẳng, nhìn bằng mắt phải thẳng, tỷ lệ biến đổi phương hướng cục (‰) bộ trong phạm vi cho phép. - Đối với tâm ghi thẳng chỉ số đường tên phải nằm trong giới hạn cho phép. - Tọa độ của các điểm đường cong nối dẫn y1, y2, y3, y4 chỉ được sai cùng chiều và nằm trong giới hạn cho phép theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
6	Chèn tà vẹt	- Sử dụng quả đà để kiểm tra độ chặt đối với tà vẹt gỗ. - Sử dụng cuốc chèn để kiểm tra độ chặt đối với tà vẹt bê tông; nếu thấy không chính xác có thể bới đá ra xem.	- Tà vẹt lưỡi ghi, tâm ghi, đầu mối ray, có số thanh bị chèn lỏng nằm trong giới hạn cho phép. - Tà vẹt còn lại có tỷ lệ lỏng lẻ tẻ nằm trong giới hạn cho phép.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
7	Lưỡi ghi	- Quan sát trực quan bằng mắt và quay ghi để kiểm tra bề mặt lưỡi ghi, kiểm tra liên kết của thanh giằng lưỡi ghi, liên kết gót lưỡi ghi và độ hoạt động của lưỡi ghi. - Sử dụng thước thép, thước kẹp, búa 4 ly để đo: độ hở của lưỡi ghi với ray cơ bản, độ cao của lưỡi ghi so với ray chính (kể cả độ hở dưới lưỡi ghi), độ mòn đứng và mòn ngang của lưỡi ghi và ray cơ bản; phạm vi sứt mẻ không nguy hiểm của lưỡi ghi.	- Lưỡi ghi phải hoạt động dễ dàng, bu lông gót ghi đúng theo quy cách. - Sai số độ hoạt động lưỡi ghi ở thanh giằng thứ nhất so với thiết kế nằm trong giới hạn cho phép. - Trong 500mm kể từ đầu lưỡi ghi trở vào độ hở giữa lưỡi ghi với ray cơ bản (ray chính) là 0 mm. - Lưỡi ghi bị sứt mẻ không nguy hiểm có chiều dài (tính từ mũi nhọn vào) trong giới hạn cho phép. - Từ chỗ mặt cắt lưỡi ghi rộng trên 50 mm (đo trên mặt lăn) đến chỗ khe hở giữa má tác dụng lưỡi ghi và má tác dụng ray chính rộng 120mm, lưỡi ghi thấp hơn ray chính (kể cả độ hở dưới lưỡi ghi) không quá 2mm. - Độ mòn đứng, ngang của ray cơ bản và lưỡi ghi nằm trong giới hạn cho phép. - Trường hợp lưỡi ghi hoặc ray cơ bản khuyết tật dẫn đến không đáp ứng một hoặc một số tiêu chí nêu trên mà chưa có điều kiện thay thế thì đơn vị trực tiếp bảo trì công trình phải thực hiện giải pháp đảm bảo an toàn chạy tàu và tăng cường kiểm tra, theo dõi diễn biến khuyết tật thông qua so sánh với kết quả kiểm tra kỳ trước.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			Trường hợp khuyết tật diễn biến bất lợi hoặc không bảo đảm điều kiện an toàn khai thác thì phải kịp thời xử lý theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và quy định có liên quan.
8	Tâm ghi và ray cánh ghi	Sử dụng thước thép, thước kẹp để đo: độ sứt mẻ của mũi nhọn tâm ghi, độ mòn đứng của tâm ghi và ray cánh ghi.	- Độ sứt mẻ mũi nhọn tâm ghi nằm trong giới hạn cho phép. - Độ mòn đứng tâm ghi nằm trong giới hạn cho phép (đo tại vị trí mặt cắt tâm ghi rộng 40mm). - Độ mòn đứng ray cánh ghi phải nằm trong giới hạn cho phép (đo đứng ray cánh ghi lấy ở điểm cách má trong ray vào 1/4 chiều rộng mặt trên ray và đo tại vị trí mòn nhất trong khoảng giữa cổ họng ghi và vị trí mặt cắt mũi nhọn tâm ghi rộng 30mm). - Trường hợp tâm ghi và ray cánh ghi khuyết tật hơn quy định mà chưa có điều kiện thay thế thì đơn vị trực tiếp bảo trì công trình phải thực hiện giải pháp đảm bảo an toàn chạy tàu và tăng cường kiểm tra, theo dõi diễn biến khuyết tật thông qua so sánh với kết quả kiểm tra kỳ trước. Trường hợp khuyết tật diễn biến bất lợi hoặc không bảo đảm điều kiện an toàn khai thác thì phải kịp thời xử lý theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và quy định có liên quan.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
9	Khe tâm ghi khe ray hộ bánh khe gót ghi	Sử dụng thước thép, thước kẹp để đo sai số gót ghi, kích thước và độ sạch của khe ray hộ bánh.	- Sai số khe gót ghi so với thiết kế nằm trong giới hạn cho phép. - Khe ray hộ bánh và ray cánh ghi sai không quá giới hạn cho phép. - Độ sâu của khe ≥ 30mm. - Trong khe ray phải sạch sẽ, không có đất, đá.
10	Phụ tùng nối giữ	Sử dụng thước thép, cà lê lực, búa gõ đinh… để kiểm tra kích thước, vị trí, chất lượng, độ siết chặt, khả năng hoạt động của các phụ kiện của bộ ghi.	- Bàn trượt ghi phải đặt đúng vị trí, khe hở với đế ghi ≤ 2mm. - Số lượng bản đệm sai quy cách, vị trí nằm trong giới hạn cho phép. - Số lượng sắt chống ray không áp chặt, sai quy cách, vị trí nằm trong giới hạn cho phép. - Số lượng các phụ tùng nối giữ khác bị lỏng, hở, thiếu hoặc sai quy cách nằm trong giới hạn cho phép theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
11	Tà vẹt ghi	Quan sát bằng mắt thường kiểm tra bề mặt các tà vẹt bị sai quy cách, sử dụng thước thép để xác định các khuyết tật của tà vẹt, đánh giá chất lượng tà vẹt theo các tiêu chuẩn của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; đo đạc khoảng cách giữa các tà vẹt, độ vuông góc của tà vẹt so với tim đường sắt.	- Toàn bộ tà vẹt sai quy cách nhưng được phép dùng phải đánh dấu. - Tỷ lệ tà vẹt sai quy cách mục, vỡ, mất tác dụng hoàn toàn (tà vẹt mối và áp mối không được phép hỏng đối với tốc độ >60 km/h hoặc tính hệ số 2 đối với tốc độ còn lại) nằm trong giới hạn cho phép. - Khoảng cách tà vẹt sai hoặc chéo nằm

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			trong giới hạn cho phép theo quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
12	Nền đá ba lát	- Quan sát trực quan bằng mắt để đánh giá theo tiêu chí gọn gàng, sạch sẽ không lẫn tạp chất, cỏ rác và khả năng thoát nước của nền đá. - Sử dụng thước thép để đo đạc kích thước mặt cắt ngang nền đá ba lát bao gồm: Độ dày nền đá tính cả lớp đệm, độ rộng bề mặt đá, độ ngậm đá của tà vẹt, độ dốc mái taluy mái đá.	- Kích thước mặt cắt ngang nền đá phải đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng; trường hợp phương án bảo dưỡng được phê duyệt chưa thể đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật của nền đá thì việc đánh giá căn cứ trên cơ sở trạng thái kỹ thuật hiện trạng đã được ghi nhận trong hồ sơ quản lý và các điều kiện đảm bảo an toàn công trình, an toàn chạy tàu. - Nền đá ba lát phải gọn gàng, bằng phẳng, làm bằn két phải thẳng. - Nền đá không có hiện tượng phụt bùn, sạch sẽ không lẫn tạp chất, cỏ rác, thoát nước tốt.
IV	**Quy định kiểm tra, đánh giá chất lượng bảo dưỡng nền đường sắt, mốc chỉ dẫn, biển báo hiệu trên đường sắt và hàng rào ngăn cách đường sắt**		
1	Nền đường các công trình gia cố nền đường	Quan sát trực quan, sử dụng thước thép, thước chữ A... để đo đạc kích thước, đánh giá chất lượng nền đường và các công trình có liên quan như: rãnh thoát nước, tường kè, tường chắn, ốp mái ta luy, cây cỏ mọc trong phạm vi nền đường…	- Nền đường đảm bảo kích thước theo tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc hồ sơ hoàn công công trình, thoát nước tốt, không phụt bùn, túi đá; trong phạm vi nền đá ba lát không có cỏ, cỏ ở vai đường mọc không cao quá 10cm, không có cây vi phạm khổ giới hạn. - Ta luy nền đường đảm bảo độ dốc, không bị xói lở; đối với ta luy nền đường được gia cố ốp mái, chất lượng mái ta luy

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			phải đảm bảo đúng trạng thái kỹ thuật đang quản lý và phương án bảo dưỡng được phê duyệt, hồ sơ quản lý theo dõi của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình phải phù hợp với thực tế hiện trường. - Kích thước, độ dốc, kết cấu rãnh thoát nước đảm bảo theo đúng hồ sơ quản lý công trình; không đọng bùn, cỏ rác, đảm bảo thoát nước tốt; chất lượng kết cấu rãnh phù hợp với trạng thái kỹ thuật và phương án bảo dưỡng được phê duyệt. - Tường và kè chắn đất phải đảm bảo kích thước hình học, hoạt động tốt theo đúng công năng; không để cây cỏ mọc che lấp, không cho chảy nước vào khu vực có kè, tường chắn đất; chất lượng kết cấu rãnh phù hợp với trạng thái kỹ thuật và phương án bảo dưỡng được phê duyệt, hồ sơ quản lý theo dõi của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình phải phù hợp với thực tế hiện trường.
2	Biển báo	Quan sát trực quan và dùng thước thép để kiểm tra vị trí, kích thước, chất lượng hệ thống biển báo, cọc mốc.	- Biển báo, cọc mốc phải đầy đủ, đảm bảo kích thước, chất lượng, vị trí, không bị nghiêng, cong vênh, không bị bẩn, dễ đọc, dễ quan sát. - Cọc mốc, biển báo không bị cỏ mọc, cây cối che khuất.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
3	Hàng rào hành lang ATGT ĐS	Quan sát trực quan và sử dụng thước thép để kiểm tra vị trí, chất lượng hàng rào hành lang ATGTĐS.	Hàng rào ngăn cách giữa đường sắt, đường bộ phải đảm bảo đầy đủ, đúng vị trí, đúng tiêu chuẩn, không bị bẩn, không bị cong vênh, không bị ăn mòn và phải có đủ bu lông xiết chặt, chắc chắn, không xói lở chân cột.

Ghi chú:

1. Đối với kết cấu tầng trên phần đường lồng cần chú ý:

a) Để đánh giá chất lượng kết cấu tầng trên phần đường lồng, phải đo đạc kiểm tra cả hai khổ đường 1000mm và 1435mm. Chất lượng kết cấu tầng trên phần đường được đánh giá theo khổ đường có chất lượng kém hơn.

b) Để thực hiện siêu cao trong đường cong trên đường lồng, căn cứ vào khổ đường 1435mm để nâng cao ray lưng (siêu cao) của đường 1435mm theo quy định của đường 1435mm; khổ đường 1000mm phụ thuộc vào đường 1435mm.

c) Độ vuốt siêu cao trên đường lồng, dựa theo khổ 1435mm được phép lớn hơn tiêu chuẩn cho phép ở mỗi cấp tốc độ là 1‰; còn khổ 1000mm được giữ nguyên như tiêu chuẩn.

2. Ngoài khối lượng các hạng mục công trình đã được kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định ở bảng trên, khối lượng công việc còn lại sẽ được kiểm tra đánh giá chất lượng thông qua: kết quả đo của máy, thiết bị chuyên dùng, kết quả kiểm tra của lãnh đạo đơn vị trực tiếp bảo trì công trình; kết quả quan trắc (nếu có).

Phụ lục III

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH CẦU, CỐNG, HẦM

(Kèm theo Thông tư số 83 /2026/TT-BXD ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
I	**Cầu đường sắt**		
1	Kết cấu thép của cầu	Kiểm tra trực quan toàn bộ kết cấu thép, các liên kết, mối hàn, bu lông, đinh tán (ri vê), lõi và các chi tiết phụ; kiểm tra bằng búa gõ hoặc dụng cụ chuyên dùng tại các vị trí nghi ngờ hư hỏng khi cần thiết; kiểm tra tình trạng ăn mòn, lớp sơn bảo vệ, việc bôi trơn các chi tiết chuyển động; đối chiếu với hồ sơ kiểm tra kỳ trước để đánh giá diễn biến hư hỏng; kiểm tra việc đánh dấu, theo dõi vết nứt và cập nhật đầy đủ hồ sơ quản lý, kiểm tra công trình.	Kết cấu thép không bị nứt, cong vênh, võng hoặc ăn mòn ảnh hưởng đến khả năng chịu lực; Mối hàn không bị nứt, bong tách; đinh tán (ri vê), bu lông, lõi và các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, không hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng; Các vị trí bôi trơn được châm dầu, mỡ đầy đủ; Các vết nứt, hư hỏng được đánh dấu, theo dõi và ghi chép đầy đủ trong hồ sơ quản lý công trình.
2	Cạo rỉ và sơn kết cấu thép	Kiểm tra trực quan kết hợp đối chiếu hồ sơ để đánh giá mức độ làm sạch bề mặt, chất lượng lớp sơn bảo vệ, việc xử lý các vị trí ăn mòn, khe hở và chi tiết liên kết; kiểm tra chủng loại vật liệu, khối lượng, vị trí, thời gian thực hiện và việc cập nhật đầy đủ hồ sơ bảo trì.	Bề mặt kết cấu thép được làm sạch trước khi sơn; không làm giảm tiết diện hoặc gây hư hỏng kết cấu trong quá trình cạo rỉ; lớp sơn bảo vệ phủ kín, đồng đều, bám dính tốt, không bong tróc, nứt, phồng rộp hoặc bỏ sót vị trí bị ăn mòn; mép sơn gọn, bảo đảm mỹ quan; các khe hở được trám kín theo yêu cầu kỹ thuật; hồ sơ về khối lượng, vị trí và thời gian thực hiện được cập nhật đầy đủ.
3	Kết cấu bê tông cốt thép, bê tông, đá xây	Kiểm tra trực quan kết cấu; kiểm tra tình trạng nứt, vỡ, bong bật, thấm nước, lộ cốt thép và hệ thống thoát nước; đo các vết nứt hoặc biến dạng khi cần	Kết cấu bê tông cốt thép, bê tông cốt thép ứng suất trước, bê tông và đá xây không có vết nứt, vỡ, bong bật hoặc hư hỏng ảnh hưởng đến khả

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		thiết; đối chiếu với kết quả kiểm tra kỳ trước để đánh giá diễn biến hư hỏng; kiểm tra việc đánh dấu, quan trắc và cập nhật hồ sơ theo dõi theo quy định.	năng chịu lực; hệ thống thoát nước hoạt động bình thường, không gây đọng nước hoặc thấm; các vết nứt vượt giới hạn cho phép được đánh dấu, theo dõi, quan trắc và cập nhật đầy đủ trong hồ sơ; các vết nứt có diễn biến bất thường được xử lý kịp thời theo quy định.
4	Ray chính (Ray chạy tàu)	Kiểm tra trực quan tình trạng ray, tà vẹt và phụ kiện liên kết; kiểm tra hiện tượng ray treo; đo các chỉ tiêu hình học đường trên cầu bằng dụng cụ hoặc thiết bị chuyên dùng; đối chiếu với giới hạn cho phép và kết quả kiểm tra kỳ trước; kiểm tra việc cập nhật hồ sơ quản lý theo quy định. Khi cần thiết hoặc khi phát hiện dấu hiệu bất thường, thực hiện quan sát trạng thái làm việc của đường trên cầu trong quá trình tàu chạy qua để phát hiện hiện tượng rung động bất thường, xô lệch ray, dịch chuyển phụ kiện liên kết hoặc các dấu hiệu ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu.	Ray không bị mòn, nứt, gãy hoặc có khuyết tật vượt quá giới hạn cho phép; phụ kiện liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không hư hỏng hoặc mất tác dụng; ray được kê đỡ ổn định, không có hiện tượng ray treo; các chỉ tiêu hình học đường trên cầu (khổ đường, cao thấp, phương hướng, siêu cao và độ xoắn) nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.
5	Kết cấu hộ bánh	Kiểm tra trực quan tình trạng kết cấu hộ bánh, đầu thoi và các phụ kiện liên kết; đo khoảng cách giữa ray chạy tàu và kết cấu hộ bánh bằng dụng cụ chuyên dùng; kiểm tra độ chắc chắn của các chi tiết liên kết và tình trạng hư hỏng, ăn mòn; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, kết quả kiểm tra kỳ trước và hồ sơ quản lý công trình.	Kết cấu hộ bánh đầy đủ, đúng chủng loại, quy cách và vị trí lắp đặt; không bị nứt, gãy, cong vênh hoặc ăn mòn ảnh hưởng đến khả năng làm việc; khoảng cách giữa ray chạy tàu và kết cấu hộ bánh nằm trong giới hạn cho phép; đầu thoi nguyên vẹn, không hư hỏng hoặc mất tác dụng; phụ kiện liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không bị hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng.

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
6	Ray gờ, sắt góc gờ, gỗ gờ	Kiểm tra trực quan tình trạng ray gờ, sắt góc gờ, gỗ gờ và các chi tiết liên kết; kiểm tra số lượng, quy cách, vị trí lắp đặt, tình trạng hư hỏng và độ chắc chắn của liên kết; kiểm tra khả năng chuyển vị của đầu dầm di động; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ kiểm tra kỳ trước.	Ray gờ, sắt góc gờ và gỗ gờ đầy đủ, đúng quy cách và vị trí lắp đặt; gỗ gờ không bị mục, nứt, gãy hoặc hư hỏng làm mất tác dụng, bề mặt nhẵn, không đọng nước; mép ngậm gỗ gờ tại đầu dầm di động không cản trở chuyển vị của kết cấu nhịp; các bu lông và chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng, được bảo dưỡng theo quy định.
7	Phần thay ray gờ, sắt góc gờ, gỗ gờ mới	Kiểm tra trực quan tình trạng kỹ thuật, vị trí lắp đặt và các chi tiết liên kết của ray gờ, sắt góc gờ, gỗ gờ; đo kiểm các kích thước, khoảng cách và các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định; đối chiếu với hồ sơ thiết kế, hồ sơ sửa chữa (nếu có), quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và yêu cầu kỹ thuật áp dụng.	Ray gờ, sắt góc gờ, gỗ gờ được lắp đặt đúng chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí theo yêu cầu thiết kế; bề mặt bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, thoát nước tốt; các mối nối, khấc, ngàm và chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không bị hư hỏng hoặc mất tác dụng; khoảng cách giữa ray gờ, sắt góc gờ, gỗ gờ và ray chạy tàu trong giới hạn cho phép; đầu mút, ngàm và các bộ phận liên quan không cản trở chuyển vị của kết cấu nhịp.
8	Tà vẹt trên cầu	Kiểm tra trực quan số lượng, chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí lắp đặt của tà vẹt; kiểm tra tình trạng hư hỏng, khả năng kê đỡ, hiện tượng tà vẹt treo, đọng nước và số hiệu tà vẹt; kiểm tra bu lông và các chi tiết liên kết; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ quản lý công trình.	Tà vẹt trên cầu đầy đủ, đúng chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí lắp đặt; không bị mục, nứt, gãy hoặc hư hỏng làm giảm khả năng chịu lực; được kê đỡ ổn định, không có hiện tượng tà vẹt treo hoặc đọng nước; số hiệu tà vẹt đầy đủ, rõ ràng; bu lông và các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, đúng vị trí,

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			không hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng, được bảo dưỡng theo quy định.
9	Phần thay tà vẹt mới	Kiểm tra chủng loại, quy cách, kích thước, chất lượng và vị trí lắp đặt của tà vẹt; kiểm tra tình trạng bề mặt, khả năng kê đỡ, khoảng cách giữa các tà vẹt, vị trí đầu tà vẹt, hiện tượng tà vẹt treo hoặc xô lệch; kiểm tra các chi tiết liên kết và đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ sửa chữa.	Tà vẹt được thay thế đúng chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí theo thiết kế; không có khuyết tật, hư hỏng ảnh hưởng đến khả năng chịu lực; được kê đỡ ổn định, không có hiện tượng tà vẹt treo, xô lệch hoặc đè lên các chi tiết kết cấu cầu; các khấc, ngàm hoặc vị trí liên kết bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; chiều dài, vị trí đầu tà vẹt và khoảng cách giữa các tà vẹt nằm trong giới hạn cho phép; các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, đúng vị trí, không hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng.
10	Ván tuần cầu	Kiểm tra trực quan chủng loại, quy cách, kích thước, vị trí lắp đặt và tình trạng ván tuần cầu; kiểm tra độ bằng phẳng, độ ổn định, hiện tượng xô lệch, hư hỏng và các chi tiết liên kết; kiểm tra việc lắp đặt không cản trở chuyển vị của kết cấu nhịp; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ sửa chữa.	Ván tuần cầu đầy đủ, đúng chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí lắp đặt; không bị nứt, gãy, mục (đối với ván gỗ), ăn mòn, cong vênh hoặc hư hỏng làm mất tác dụng; bề mặt ổn định, không xô lệch; then cài, chốt và các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn; việc lắp đặt không cản trở chuyển vị của kết cấu nhịp; cao độ bề mặt và độ chênh lệch giữa các tấm ván nằm trong giới hạn cho phép.
11	Phần thay ván tuần cầu mới	Kiểm tra chủng loại, quy cách, kích thước, chất lượng và vị trí lắp đặt của ván tuần cầu; kiểm tra độ bằng phẳng, độ ổn định, khả năng thoát nước, độ chênh cao giữa các tấm ván và các chi tiết liên kết; kiểm tra việc lắp đặt không cản trở chuyển vị của	Ván tuần cầu được thay thế đúng chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí theo thiết kế; bề mặt bằng phẳng, ổn định, bảo đảm thoát nước; các tấm ván, then cài, chốt và các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn,

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		kết cấu nhịp; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ sửa chữa.	không xô lệch hoặc mất tác dụng; việc lắp đặt không cản trở chuyển vị của kết cấu nhịp; vị trí đầu ván và độ chênh cao giữa các tấm ván nằm trong giới hạn cho phép.
12	Đường người đi	Kiểm tra trực quan chủng loại, quy cách, kích thước, chất lượng và vị trí lắp đặt của đường người đi; kiểm tra tình trạng bề mặt, độ bằng phẳng, độ ổn định, các hư hỏng và khả năng thoát nước; kiểm tra đà dọc, dầm đỡ và các chi tiết liên kết; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ sửa chữa.	Đường người đi đầy đủ, đúng chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí theo thiết kế; mặt đường không bị nứt, vỡ, mục, cong vênh, biến dạng, ăn mòn hoặc hư hỏng ảnh hưởng đến khả năng chịu lực và an toàn sử dụng; bề mặt bằng phẳng, ổn định, không gập ghềnh hoặc chênh cao vượt giới hạn cho phép; đà dọc và các bộ phận chịu lực không bị hư hỏng; các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng.
13	Phần thay ván, tấm đan đường người đi mới		Ván, tấm đan đường người đi được thay thế đúng chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí theo thiết kế; bề mặt bằng phẳng, ổn định, bảo đảm thoát nước; các tấm được lắp đặt khít, đúng vị trí, độ so le và khe hở giữa các tấm nằm trong giới hạn cho phép; các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng.
14	Gối cầu và khe co dãn	Kiểm tra trực quan tình trạng gối cầu, khe co giãn, lớp sơn bảo vệ, hiện tượng ăn mòn, nứt, vỡ, biến dạng và khả năng chuyển vị; kiểm tra vệ sinh, tình trạng bôi trơn, các chi tiết liên kết và bộ phận chuyển động; khi cần thiết đo kiểm chuyển vị, khe	Gối cầu và khe co giãn hoạt động bình thường theo thiết kế; bề mặt kết cấu không bị ăn mòn, rỉ sét, nứt, vỡ, biến dạng hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến khả năng làm việc; lớp sơn bảo vệ bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; các bộ phận chuyển

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		hở bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ sửa chữa và hồ sơ quản lý công trình.	động được bôi trơn theo quy định; bu lông và các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng; khe co giãn sạch sẽ, thông thoáng, không cản trở chuyển vị của kết cấu nhịp và bảo đảm khả năng làm việc theo yêu cầu kỹ thuật.
15	Mố trụ, công trình phòng hộ và lòng sông	Kiểm tra trực quan tình trạng mố, trụ cầu, công trình phòng hộ và lòng sông, suối; kiểm tra hiện tượng nứt, lún, nghiêng, xói lở, hư hỏng, bồi lấp và khả năng thoát nước; kiểm tra các kết cấu phòng hộ, gia cố chống xói (nếu có); khi cần thiết đo kiểm độ lún, độ nghiêng, kích thước vết nứt và các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Mố, trụ cầu, công trình phòng hộ và lòng sông, suối sạch sẽ, thông thoáng, bảo đảm thoát nước; không bị nứt, lún, nghiêng, xói lở, biến dạng hoặc hư hỏng ảnh hưởng đến khả năng chịu lực và ổn định công trình; các kết cấu phòng hộ, gia cố chống xói (nếu có) ổn định, không bị hư hỏng hoặc suy giảm khả năng làm việc; các chi tiết liên kết đầy đủ, đúng quy cách, không hư hỏng, lỏng hoặc mất tác dụng; các vị trí có dấu hiệu bất thường được theo dõi, quan trắc và cập nhật đầy đủ hồ sơ quản lý theo quy định.
16	Thiết bị phòng hỏa	Kiểm tra trực quan số lượng, chủng loại, quy cách, vị trí lắp đặt và tình trạng kỹ thuật của phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; kiểm tra khả năng sử dụng, tình trạng thùng chứa nước, cát và các phương tiện chữa cháy khác (nếu có); đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ quản lý công trình và quy định về phòng cháy, chữa cháy.	Thiết bị phòng hỏa được trang bị đầy đủ, đúng chủng loại, quy cách và vị trí theo quy định; không bị hư hỏng, ăn mòn hoặc mất tác dụng; luôn trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Thùng chứa nước, cát và các phương tiện chữa cháy khác (nếu có) bảo đảm đầy đủ, chất lượng đáp ứng yêu cầu và sử dụng được khi cần thiết.
17	Các hạng mục, thiết bị, biển báo phục vụ	Kiểm tra trực quan số lượng, chủng loại, quy cách, kích thước, vị trí lắp đặt và tình trạng kỹ thuật của	Các hạng mục, thiết bị, biển báo phục vụ quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn công trình đầy

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
	quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn công trình	các thiết bị quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn công trình; kiểm tra độ chắc chắn, khả năng nhận biết, khả năng hoạt động và các chi tiết liên kết; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và quy định hiện hành.	đủ, đúng chủng loại, quy cách, kích thước và vị trí theo quy định; không bị hư hỏng, biến dạng, ăn mòn hoặc mất tác dụng; biển tên cầu, biển lý trình, biển báo hiệu, báo hiệu đường thủy nội địa, biển hạn chế chiều cao, thang kiểm tra, bậc kiểm tra, thước đo nước, thước ke mố rõ ràng, chắc chắn, hoạt động bình thường và đáp ứng yêu cầu khai thác.
II	**Cống**		
1	Nền đường	Kiểm tra trực quan tình trạng nền đường, mái taluy và hệ thống thoát nước trong phạm vi cống; kiểm tra hiện tượng lún, nứt, trượt, xói lở, bồi lấp, ứ đọng nước và sự chuyển tiếp giữa nền đường với đầu cống; khi cần thiết đo kiểm các thông số hình học và độ lún bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Nền đường trong phạm vi cống ổn định, bảo đảm hình học theo thiết kế và chuyển tiếp êm thuận với nền đường hai đầu cống; không bị lún, nứt, trượt, xói lở hoặc biến dạng ảnh hưởng đến an toàn khai thác; nền đường, mái taluy và hệ thống thoát nước bảo đảm thoát nước tốt, không bị ứ đọng hoặc bồi lấp; mái taluy ổn định, không bị hư hỏng hoặc sạt lở.
2	Cửa cống	Kiểm tra trực quan tình trạng cửa cống, hiện tượng nứt, vỡ, lún, xô lệch, biến dạng và hư hỏng; kiểm tra khả năng dẫn, thoát nước, tình trạng bồi lấp, xói lở, vật cản và các kết cấu gia cố, bảo vệ cửa cống (nếu có); khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Cửa cống thượng lưu và hạ lưu thông thoáng, bảo đảm khả năng dẫn và thoát nước theo thiết kế; không bị nứt, vỡ, lún, xô lệch, biến dạng hoặc hư hỏng; không bị bồi lấp, xói lở hoặc vật cản ảnh hưởng đến dòng chảy; các kết cấu gia cố và bảo vệ cửa cống (nếu có) ổn định, không bị hư hỏng hoặc mất tác dụng.

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
3	Tường biên, vòm cống	Kiểm tra trực quan tình trạng tường biên, vòm cống; kiểm tra hiện tượng nứt, vỡ, lún, xô lệch, biến dạng, thấm nước, rò rỉ và các hư hỏng khác; kiểm tra bề mặt kết cấu, khe nối và hệ thống chống thấm, thoát nước (nếu có); khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Tường biên, vòm cống ổn định, không bị nứt, vỡ, lún, xô lệch, biến dạng, bong bật hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực; không có hiện tượng thấm nước, rò rỉ hoặc ẩm ướt bất thường ảnh hưởng đến chất lượng kết cấu; hệ thống thoát nước và chống thấm (nếu có) hoạt động bình thường.
4	Thân cống	Kiểm tra trực quan tình trạng thân cống, lòng cống và các mối nối; kiểm tra hiện tượng nứt, vỡ, lún, xô lệch, biến dạng, thấm nước, bồi lấp, vật cản và khả năng thoát nước của cống; khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Thân cống ổn định, bảo đảm khả năng chịu lực và thoát nước theo thiết kế; lòng cống thông thoáng, không bị bồi lấp, ứ đọng bùn đất, rác thải hoặc vật cản; thân cống không bị nứt, vỡ, lún, xô lệch, biến dạng hoặc hư hỏng; các mối nối, mối ghép kín khít, không bị lún, lệch, hở hoặc thấm nước vượt quá giới hạn cho phép.
5	Sân cống	Kiểm tra trực quan tình trạng sân cống, hố tiêu năng, đáy lòng dẫn và các kết cấu gia cố (nếu có); kiểm tra hiện tượng nứt, vỡ, lún, xô lệch, xói lở, bồi lấp và khả năng tiêu năng, dẫn dòng, thoát nước; khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Sân cống và các kết cấu gia cố, tiêu năng (nếu có) ổn định, không bị nứt, vỡ, lún, xô lệch, xói lở hoặc hư hỏng; lòng dẫn trong phạm vi sân cống thông thoáng, không bị bồi lấp hoặc vật cản, bảo đảm khả năng tiêu năng, dẫn dòng và thoát nước theo thiết kế.
6	Mốc, dấu theo dõi, thước đo nước, số lý trình, biển báo các	Kiểm tra trực quan số lượng, quy cách, vị trí lắp đặt và tình trạng kỹ thuật của mốc quan trắc, dấu theo dõi, thước đo nước, biển tên công trình, biển lý	Mốc, dấu theo dõi, thước đo nước, biển tên công trình, biển lý trình, biển báo và các dấu hiệu quản lý công trình đầy đủ, rõ ràng, chính

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
	loại;	trình, biển báo và các thiết bị quản lý công trình; kiểm tra độ rõ ràng, chính xác, khả năng sử dụng; đối chiếu với hồ sơ quản lý công trình, kết quả quan trắc và kết quả kiểm tra kỳ trước.	xác, đúng vị trí và dễ nhận biết; các vị trí có dấu hiệu hư hỏng hoặc diễn biến bất thường được đánh dấu, quan trắc (khi cần thiết), theo dõi, ghi chép và cập nhật đầy đủ hồ sơ quản lý theo quy định.
III	**Hầm**		
1	Rãnh đỉnh	Kiểm tra trực quan tình trạng kết cấu rãnh đỉnh; kiểm tra hiện tượng nứt, vỡ, lún, xô lệch, sụt lở, bồi lấp, tắc nghẽn, ứ đọng nước và các hư hỏng khác; kiểm tra khả năng thu, dẫn, thoát nước và tình trạng đất, đá, bùn, cây cỏ hoặc vật cản trong lòng rãnh; khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Rãnh đỉnh bảo đảm thu, dẫn và thoát nước theo thiết kế; không bị sụt lở, bồi lấp, tắc nghẽn hoặc ứ đọng nước; kết cấu rãnh ổn định, không bị nứt, vỡ, lún, xô lệch hoặc hư hỏng; không có đất, đá, bùn, cây cỏ hoặc vật cản làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước.
2	Cửa hầm, tường tai, tường cánh	Kiểm tra trực quan tình trạng cửa hầm, tường tai, tường cánh, mái taluy và khu vực ngoài cửa hầm; kiểm tra hiện tượng nứt, vỡ, lún, nghiêng, xô lệch, sụt lở, xói lở, cây cỏ, đất đá, vật cản và khả năng thoát nước; khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Cửa hầm, tường tai, tường cánh ổn định, không bị nứt, vỡ, lún, nghiêng, xô lệch, bong bật, sụt lở hoặc hư hỏng; khu vực mái taluy, sân thượng ngoài cửa hầm thông thoáng, không có cây cỏ, đất đá hoặc vật cản ảnh hưởng đến khả năng thoát nước và an toàn khai thác.
3	Áo, vỏ hầm	Kiểm tra trực quan tình trạng áo, vỏ hầm; kiểm tra hiện tượng nứt, vỡ, bong bật, phong hóa, phình, biến dạng, thấm, rò rỉ nước và các hư hỏng khác;	Áo, vỏ hầm ổn định, bảo đảm khả năng chịu lực và khổ giới hạn công trình; không bị nứt, vỡ, bong bật, phong hóa, phình, biến dạng hoặc hư

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		kiểm tra tình trạng lớp gia cố, lưới thép, bu lông neo (nếu có), nguy cơ rơi, sụt vật liệu và khổ giới hạn công trình; khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình, kết quả kiểm tra kỳ trước và hồ sơ theo dõi, quan trắc.	hỏng làm ảnh hưởng đến an toàn khai thác; kết cấu đá xây, đá thiên nhiên và các bộ phận gia cố (nếu có) ổn định, không có nguy cơ rơi, sụt hoặc mất tác dụng; hiện tượng thấm, rò rỉ nước được xử lý kịp thời; các vị trí hư hỏng hoặc diễn biến bất thường được theo dõi, quan trắc và cập nhật đầy đủ hồ sơ theo quy định.
4	Vệ sinh, hang tránh	Kiểm tra trực quan tình trạng vệ sinh trong hầm và hang tránh; kiểm tra rác thải, bùn đất, nước đọng, rêu, mốc, vật cản; kiểm tra tình trạng kết cấu và khả năng sử dụng của hang tránh; kiểm tra điều kiện môi trường trong hầm, khi cần thiết đo nồng độ khí và các thông số môi trường bằng thiết bị chuyên dùng; đối chiếu với hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Bên trong hầm sạch sẽ, thông thoáng; không có rác thải, vật cản, nước đọng, bùn đất hoặc rêu, mốc ảnh hưởng đến an toàn khai thác; hang tránh sạch sẽ, khô ráo, không bị nứt, vỡ, hư hỏng hoặc bị chiếm dụng; môi trường trong hầm bảo đảm an toàn, không có khí độc, khí cháy, khí nổ hoặc các yếu tố môi trường vượt quá giới hạn cho phép.
5	Đường trong hầm	Kiểm tra trực quan tình trạng ray, tà vẹt, phụ kiện liên kết và các bộ phận kết cấu đường trong hầm; kiểm tra các hư hỏng, dấu hiệu mất ổn định kết cấu; đo kiểm các chỉ tiêu hình học của đường (cự ly, thủy bình, cao thấp, phương hướng, độ xoắn và các thông số kỹ thuật khác) bằng thiết bị chuyên dùng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Đường trong hầm bảo đảm trạng thái kỹ thuật và an toàn khai thác; ray, tà vẹt, phụ kiện liên kết và các bộ phận kết cấu đường đầy đủ, không bị hư hỏng hoặc mất tác dụng; các chỉ tiêu hình học của đường (cự ly, thủy bình, cao thấp, phương hướng và các thông số kỹ thuật khác) trong giới hạn cho phép theo quy định.
6	Thoát nước	Kiểm tra trực quan tình trạng hệ thống thoát nước trong và ngoài hầm; kiểm tra hiện tượng nứt, vỡ, lún, xô lệch, hư hỏng, bồi lấp, tắc nghẽn, ứ đọng	Hệ thống thoát nước trong và ngoài hầm bảo đảm khả năng thu, dẫn và thoát nước theo thiết kế; rãnh thoát nước, lỗ thoát nước và các công

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		nước và các vật cản ảnh hưởng đến khả năng thu, dẫn, thoát nước; khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	trình phụ trợ không bị hư hỏng; lòng rãnh và các lỗ thoát nước thông thoáng, không bị bồi lấp, tắc nghẽn hoặc ứ đọng nước; nắp đậy rãnh (nếu có) đầy đủ, đúng vị trí và bảo đảm an toàn khai thác.
7	Biển hiệu, tín hiệu	Kiểm tra trực quan số lượng, quy cách, vị trí lắp đặt và tình trạng kỹ thuật của biển thứ tự đốt hầm, biển báo, tín hiệu và các thiết bị báo hiệu (nếu có); kiểm tra độ rõ ràng, khả năng nhận biết, hiện tượng nghiêng, cong vênh, gỉ, nứt, vỡ, mờ hoặc mất tác dụng; đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Biển thứ tự đốt hầm, biển báo, tín hiệu và các thiết bị báo hiệu (nếu có) đầy đủ, đúng quy cách, đúng vị trí; nội dung, ký hiệu rõ ràng, dễ nhận biết; kết cấu ổn định, không bị hư hỏng hoặc mất tác dụng, bảo đảm an toàn khai thác và chạy tàu.
8	Hệ thống chiếu sáng, thông tin liên lạc và các thiết bị phục vụ khai thác trong hầm	Kiểm tra trực quan tình trạng kỹ thuật của hệ thống chiếu sáng, thông tin liên lạc và các thiết bị phục vụ khai thác trong hầm (nếu có); kiểm tra hiện tượng hư hỏng, ăn mòn, nứt, vỡ, lỏng, đứt dây hoặc mất tác dụng; kiểm tra vận hành thực tế của thiết bị; khi cần thiết đo kiểm các thông số kỹ thuật bằng dụng cụ chuyên dùng; đối chiếu với hồ sơ thiết kế, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	Hệ thống chiếu sáng, thông tin liên lạc và các thiết bị phục vụ khai thác trong hầm (nếu có) hoạt động bình thường, bảo đảm chức năng theo thiết kế; thiết bị, dây dẫn và phụ kiện đầy đủ, không bị hư hỏng, đứt, lỏng hoặc mất tác dụng; bảo đảm an toàn và đáp ứng yêu cầu khai thác.
9	Sơn bảo vệ chống rỉ kết cấu công trình, thiết bị của hầm	Kiểm tra trực quan việc xử lý bề mặt và chất lượng lớp sơn; kiểm tra độ bám dính, độ phủ, tính đồng đều, hiện tượng bong tróc, nứt, phồng rộp, nhăn, chảy sơn, bỏ sót hoặc các dấu hiệu ăn mòn; khi cần thiết đo kiểm chiều dày lớp sơn và các chỉ tiêu kỹ thuật bằng thiết bị chuyên dùng; đối chiếu	Lớp sơn bảo vệ chống gỉ bám dính tốt, phủ kín bề mặt cần bảo vệ, bảo đảm chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật; không bị bong tróc, nứt, phồng rộp, nhăn, chảy sơn, bỏ sót hoặc các khuyết tật khác; các vị trí ăn mòn được xử lý trước khi sơn; hồ sơ bảo dưỡng và nghiệm thu được lập

TT	Hạng mục công việc	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		với yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ bảo trì, hồ sơ quản lý công trình và kết quả kiểm tra kỳ trước.	đầy đủ theo quy định
10	Công tác kiểm tra, đo đạc, quan trắc	Kiểm tra hồ sơ, sổ kiểm tra, kết quả đo đạc và quan trắc; kiểm tra việc thực hiện chế độ kiểm tra, theo dõi và cập nhật số liệu theo quy định; đối chiếu với kết quả các kỳ kiểm tra trước; kiểm tra hiện trường để đánh giá việc phát hiện, xử lý hoặc báo cáo kịp thời các hư hỏng, sự cố, vật cản và các nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn chạy tàu.	Công tác kiểm tra, đo đạc, quan trắc được thực hiện đầy đủ theo quy định; số liệu kiểm tra được cập nhật, lưu trữ đầy đủ, chính xác; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc báo cáo các hư hỏng, sự cố và các nguy cơ mất an toàn.

Phụ lục IV

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG NGANG

(Kèm theo Thông tư số 83 /2026/TT-BXD ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Hệ thống phòng vệ đường ngang và chiếu sáng tại đường ngang	Quan sát trực quan bằng mắt, sử dụng thước thép và các dụng cụ, thiết bị chuyên dụng để kiểm tra về sự đầy đủ và tình trạng kỹ thuật của hệ thống phòng vệ đường ngang và chiếu sáng tại đường ngang gồm: chắn đường ngang; vạch sơn kẻ đường; cọc tiêu, hàng rào cố định, biển báo hiệu đường sắt, đường bộ; tín hiệu đường sắt, tín hiệu đường bộ; gờ giảm tốc, gồ giảm tốc, camera giám sát tại đường ngang; đèn chiếu sáng tại đường ngang có người gác.	- Hệ thống phòng vệ đường ngang bố trí đầy đủ. - Cần chắn, giàn chắn hoạt động chắc chắn, ổn định, tín hiệu đường sắt, tín hiệu đường bộ hoạt động tin cậy, đáp ứng yêu cầu phòng vệ. - Công tác vệ sinh, sơn sửa biển báo, vạch kẻ đường được thực hiện đầy đủ, bảo đảm vệ sinh sạch sẽ, chỉ dẫn rõ ràng, đáp ứng tầm nhìn theo quy định. - Các hạng mục hư hỏng phải kịp thời sửa chữa, khắc phục, bảo đảm không ảnh hưởng đến công tác phòng vệ đường ngang. - Điều kiện chiếu sáng tại đường ngang có người gác bảo đảm độ sáng theo quy định.
2	Đường sắt trong phạm vi đường ngang	Quan sát trực quan bằng mắt để kiểm tra chất lượng bảo dưỡng đoạn đường sắt trong phạm vi đường ngang, bao gồm: kiến trúc tầng trên, nền đường... - Sử dụng thước chuyên dụng để đo chiều rộng khe ray, chiều sâu khe ray của đường ngang.	- Yêu cầu về đoạn đường sắt trong phạm vi đường ngang thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 2 của Thông tư này. - Chiều rộng khe ray trong giới hạn cho phép; khe ray hộ bánh sạch, không có đất cát, bảo đảm chiều sâu.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
3	Đoạn đường bộ tại đường ngang	- Quan sát trực quan bằng mắt và sử dụng thước chuyên dụng để đo đạc kích thước, chênh cao mặt lát đường ngang trong lòng và hai bên đường sắt với ray chính, đánh giá chất lượng của đoạn đường bộ qua đường ngang. - Kiểm tra tình trạng bằng phẳng, kết cấu ổn định, tình trạng thoát nước của đoạn đường bộ tại đường ngang.	- Mặt đường bộ khu vực đường ngang phải bằng phẳng, thoát nước tốt. - Kết cấu mặt đường bộ trong lòng và tiếp giáp hai bên phía ngoài ray chính phải ổn định, liên kết chặt chẽ. - Độ cao mặt lát đường ngang trong lòng đường sắt bằng hoặc cao hơn ray chính không quá 10mm; độ cao mặt lát đường ngang tiếp giáp bên ngoài ray chính bằng hoặc thấp hơn ray chính không quá 7mm.

Phụ lục V

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC

(Kèm theo Thông tư số 83/2026/TT-BXD ngày 09tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Mặt nền, sàn	Quan sát trực quan toàn bộ bề mặt, gõ, đo độ phẳng bằng thước 3 m; đo khe nứt, kiểm tra độ dốc bằng nivô, thử thoát nước sau vệ sinh hoặc sau mưa.	Mặt nền, sàn nhà phải đảm bảo bằng phẳng, thoát nước tốt; không bong rộp, lồi, lõm, không bị lún; không gây trơn trượt, không đọng nước, cụ thể như sau: - Đối với nền bê tông: không có vết nứt, biến dạng hoặc hư hỏng ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, ổn định hoặc an toàn sử dụng; các vết nứt chưa ảnh hưởng đến các yêu cầu nêu trên phải được đánh dấu, theo dõi và cập nhật hồ sơ theo quy định. - Đối với nền láng vữa xi măng: không nổi cát, nứt lớn, đọng nước, phân lớp hoặc rỗng; độ phẳng và độ dốc trong giới hạn cho phép. - Đối với nền bê tông asphalt: không chảy nhựa, hư hỏng, lún, lõm cục bộ hoặc nứt chân chim lớn. - Đối với nền lát gạch, đá: mạch vữa và gạch không hư hỏng, bong tróc; mặt lát phẳng, cao độ và độ dốc đạt yêu cầu. - Đối với nền đá granito mài láng: bề mặt phẳng, không có lỗ, sứt mẻ, lồi lõm hoặc nứt; phần cũ - mới không phân lớp; đá phân bố đều, mài hoàn thiện đạt yêu cầu kỹ thuật và phù hợp màu sắc kết cấu cũ.
2	Cột, dầm, vì kèo, xà gồ, cầu phong, li tô	Quan sát trực quan; đo độ võng (khi cần); kiểm tra kỹ liên kết, bu lông; đối chiếu hồ sơ quan trắc (khi cần).	Kiểm tra độ ổn định, độ chắc chắn, tình trạng vật liệu, liên kết, chống mục/rỉ sét và việc phát hiện - theo dõi kịp thời các hư hỏng của kết cấu gỗ, thép và bê tông, cụ thể như sau: - Yêu cầu chung: kết cấu phải ổn định, không tăng biến dạng; các liên kết không lỏng; kết cấu thép không bị ăn mòn, giảm tiết diện; không treo tải

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			vượt thiết kế. - Đối với kết cấu gỗ: phải đạt chất lượng tốt, không mục mọt; mộng và mối nối phải kín, chắc; bu lông đúng quy cách, đủ phụ kiện và siết chặt; các vị trí tiếp giáp tường phải được xử lý chống mục; bộ phận thép phải được làm sạch và sơn bảo vệ. - Vì kèo, cột và xà gồ: không hư hỏng, mục mọt hoặc rỉ sét; đảm bảo độ thẳng, chắc chắn; khoảng cách và vị trí lắp đặt đúng quy định, sai lệch trong giới hạn cho phép. - Cầu phong, li tô: phải bảo đảm thẳng, chắc, không mục, cong hoặc nứt vỡ; mối nối không được trùng; đinh đóng không gây hư hỏng và các kích thước, độ lệch phải nằm trong giới hạn cho phép. - Đối với kết cấu thép: vì kèo, cột phải được sơn bảo vệ, không rỉ hoặc bong vảy; độ võng trong giới hạn cho phép; mối hàn và bu lông phải đảm bảo chắc chắn. Nếu có nứt, bong mối hàn phải đánh dấu, theo dõi và lập hồ sơ. - Đối với kết cấu bê tông: vì kèo, cột, dầm không có vết nứt, biến dạng hoặc hư hỏng gây ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, ổn định hoặc an toàn sử dụng; các vết nứt chưa ảnh hưởng đến các yêu cầu nêu trên phải được đánh dấu, theo dõi và cập nhật hồ sơ theo quy định.
3	Tường gạch xây, tường rào	Quan sát trực quan, đo khe nứt, kiểm tra độ nghiêng.	- Tường: không nứt, không nghiêng, không lún, không thấm hoặc bong tróc lớp trát làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực của kết cấu; nếu có hư hỏng chưa ảnh hưởng đến các yêu cầu nêu trên phải được đánh dấu, theo dõi và cập nhật hồ sơ theo quy định. - Mạch vữa: phải bảo đảm đặc chắc, không rỗng và đúng chiều dày theo mạch cũ. - Vỉa xây: không lún, nứt, nghiêng hoặc bong sứt; cao độ theo chiều dài

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			đảm bảo yêu cầu. - Lan hoa sắt: không cong, vênh hoặc rỉ sét.
4	Trần nhà	Quan sát trực quan, kiểm tra hệ treo, gõ kiểm tra bong, kiểm tra vận hành thiết bị gắn trần.	- Trần nhà: không nứt, gãy, võng, ố, thấm hoặc bám bụi bẩn. - Trần bê tông: không bong tróc lớp bảo vệ và không để lộ, rỉ sét cốt thép. - Trần thạch cao khung chìm: không xuất hiện vết nứt tại các mối nối tấm trần từ 30% trở lên.
5	Mái nhà, mái che ke	Quan sát trực quan; kiểm tra liên kết, bu lông; thử thoát nước.	- Mái nhà: không thấm dột, bong rộp, nứt vỡ hoặc hư hỏng. - Ngói, tôn, fibro-xi măng: Không sứt mẻ, cong vênh, rỉ thủng; được liên kết chắc chắn với xà gồ và các thanh li tô. - Bề mặt mái: phải phẳng, chắc chắn, đảm bảo độ dốc thoát nước theo yêu cầu. - Các lớp mái: phải chồng mí đúng quy định, đảm bảo chống thấm dột. - Liên kết mái: bu lông, vòng đệm và các mối liên kết phải chắc chắn, đúng kỹ thuật. - Mép mái: bảo đảm độ vươn theo quy định, tránh nước mưa hắt vào nhà.
6	Hệ thống cấp, thoát nước mái	Quan sát trực quan, thử xả nước, sử dụng thước hoặc dụng cụ chuyên dụng (nếu cần).	- Hệ thống cấp, thoát nước: hoạt động bình thường, không rò rỉ hoặc tắc nghẽn; thiết bị và phụ kiện liên kết chắc chắn, không bong bật. - Máng thoát nước: hàn chắc chắn, không rò rỉ, lắp đặt thẳng và đúng độ dốc, đảm bảo thu thoát nước; mép máng đủ cao để tránh nước bắn vào nhà. - Đường ống: bảo đảm thẳng, mối hàn và đai giữ chắc chắn, không hư hỏng; lưới chắn rác phải thông thoáng.
7	Hệ thống thoát nước	Quan sát trực quan; kiểm tra hố ga, cống,	- Thoát nước: đảm bảo không gây ngập đường vào ga, sân ga, bãi hàng;

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
	ngoài nhà	rãnh; sử dụng thước hoặc dụng cụ chuyên dụng (nếu cần).	không gây xói lở taluy, nền đường và chân công trình. - Hố ga, cống, rãnh: không hư hỏng, được sửa chữa kịp thời và đảm bảo độ dốc cũ; sai lệch thành rãnh không quá 10 mm. - Lưới chắn rác, nắp đan: đảm bảo đầy đủ, không hư hỏng; nếu hỏng hoặc mất phải sửa chữa, thay thế kịp thời. - Giếng thăm và ống thoát nước: không đọng rác, tạp chất và không bị tắc nghẽn.
8	Cửa, hệ thống biển báo, chỉ dẫn	Quan sát trực quan, đóng mở thử, sử dụng thước hoặc dụng cụ chuyên dụng (nếu cần).	- Các mộng, mạch ghép và mặt ván phải chắc, kín khít, phẳng. - Cửa vận hành dễ dàng; bản lề, móc, ke góc và bậu cửa đầy đủ, chắc chắn. - Khung và thanh cửa đảm bảo đúng vị trí; song cửa đều, các bộ phận không bị lỏng. - Đối với cửa pa-nô, kính: gờ chỉ và nan chớp khớp, chắc chắn; kính vuông góc, gờ đều, không xộc xệch. - Đối với cửa thép: khung cửa không bị rỉ sét, hư hỏng. - Bản lề được lau, châm dầu; các vị trí cần thiết được sơn chống mục đầy đủ. - Cửa thoát hiểm và biển báo: cửa thoát hiểm hoạt động tốt; biển báo rõ ràng, không bạc màu và không che khuất camera.
9	Kính	Quan sát trực quan, kiểm tra liên kết.	- Ma tít: lớp cũ được cạo và vệ sinh sạch; lớp mới phải đều, chắc, không xốp hoặc nứt. - Kính: cắt thẳng, vuông góc, gắn chắc chắn, không bong keo hoặc có nguy cơ rơi. - Lắp đặt kính: kính phải được gắn đúng vị trí, không lệch, cong vênh và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
10	Cửa cổng và hàng rào sắt	Quan sát trực quan, đóng mở thử, kiểm tra liên kết.	- Cửa cổng: thanh sắt đúng kỹ thuật, phù hợp kết cấu cũ, không cong vênh; tôn không rỉ hỏng. - Bánh xe và bản lề: không hư hỏng, hoạt động tốt, được bôi dầu mỡ đầy đủ và lắp đặt chắc chắn. - Bu lông, mối hàn: bu lông đúng quy cách, siết chặt; mối hàn không bong, nứt. - Rãnh cửa: sạch sẽ, không có bụi bẩn hoặc tạp vật. - Ổ khóa: đóng mở dễ dàng, hoạt động tốt.
11	Quét sơn	Quan sát trực quan hoặc thiết bị kiểm tra chuyên dùng (nếu cần).	- Màng sơn: độ dày đạt yêu cầu kỹ thuật, bề mặt mịn, phủ đều, không bọt khí, lỗ chân lông, nứt hoặc chảy sơn. - Màu sắc: đảm bảo đúng màu theo yêu cầu. - Sơn chống rỉ: phải đảm bảo còn khả năng chống rỉ.
12	Quét vôi	Quan sát trực quan.	- Bề mặt lớp vôi phải đều, mịn, không vón, không để lại vết chổi.
13	Hệ thống cấp điện, chiếu sáng	Quan sát trực quan, đo kiểm bằng thiết bị chuyên dụng và vận hành thử.	- Hệ thống điện: đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật; dây dẫn, thiết bị điện, tủ điện, thiết bị bảo vệ và nối đất hoạt động tốt, không quá nhiệt, phóng điện, rò điện hoặc hở dây. - Dây dẫn và phụ kiện: giá đỡ, sứ, xà đỡ không hư hỏng; dây đúng chủng loại, được bảo vệ trong ống; các mối nối kín, an toàn. Khu vực phòng tắm và nơi có chất cháy nổ phải sử dụng, bố trí thiết bị điện phù hợp. - Hệ thống chiếu sáng: hoạt động ổn định, liên tục, đáp ứng yêu cầu khai thác và thiết kế. - Độ sáng: bảo đảm độ rọi và độ đồng đều theo quy chuẩn và yêu cầu thiết kế; không có vùng tối, chói cục bộ ảnh hưởng đến quan sát và an toàn.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			- Ánh sáng không gây chói lóa, nhấp nháy hoặc sai màu ảnh hưởng đến thị giác, sức khỏe và khả năng nhận biết biển báo, tín hiệu. - Thiết bị chiếu sáng: lắp đặt chắc chắn, không nứt vỡ, bong bật, hư hỏng hoặc có nguy cơ rơi. - Chiếu sáng sự cố, thoát nạn: phải hoạt động bình thường khi mất điện. - Khu vực khai thác: nhà ga, ke ga, cầu vượt, hầm bộ hành và các khu vực phục vụ hành khách phải được chiếu sáng đầy đủ trong suốt thời gian khai thác, đảm bảo an toàn chạy tàu, hành khách và người lao động.
14	Công trình, bộ phận chống sét	- Quan sát trực quan, sử dụng thiết bị chuyên dụng (nếu cần).	- Lớp sơn/mạ chống rỉ không được bong tróc, hư hỏng; các bộ phận và dây bị rỉ phải được thay thế, sửa chữa kịp thời. - Công trình chống sét phải được kiểm tra đúng chu kỳ. - Mối hàn phải chắc chắn, không long, hỏng. - Điện trở nối đất không tăng quá 10 Ω; các vị trí nối đất bị lún phải được đắp bổ sung kịp thời.
15	Hệ thống điều hòa, thông gió	Quan sát trực quan, vận hành thử.	- Hệ thống điều hòa: quạt dàn lạnh, máy nén, quạt dàn nóng, dòng điện định mức và tay điều khiển hoạt động ổn định, bình thường. - Máng và đường ống thoát nước hoạt động tốt, không hư hỏng, đảm bảo thoát nước ngưng bình thường.
16	Thang máy	Quan sát trực quan, vận hành thử, kết hợp kiểm tra sổ sách hoặc sử dụng thiết bị kiểm tra chuyên dụng.	- Hoạt động bình thường, di chuyển êm thuận; các nút điều khiển không bong bật. - Được kiểm tra, theo dõi, sửa chữa và kiểm định định kỳ theo quy định.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
17	Thang cuốn	Quan sát trực quan, vận hành thử, kết hợp kiểm tra sổ sách hoặc sử dụng thiết bị kiểm tra chuyên dụng.	- Hoạt động bình thường, các bộ phận được liên kết chắc chắn. - Hệ thống phanh, hãm, cảm biến, nút dừng khẩn cấp và motor hoạt động tốt. - Được kiểm tra, theo dõi, sửa chữa và kiểm định định kỳ theo quy định.
18	Hệ thống Phòng cháy, chữa cháy (Đối với các công trình có trang bị hệ thống, thiết bị về PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC)	Quan sát trực quan, vận hành thử, kết hợp với kiểm tra sổ sách ghi chép (nhật ký kiểm tra) hoặc sử dụng các dụng cụ chuyên dụng (nếu cần).	- Hệ thống PCCC: được kiểm tra định kỳ theo quy định và luôn trong trạng thái hoạt động tốt. - Thiết bị PCCC: bình chữa cháy, máy bơm, đường ống nước và các thiết bị liên quan phải hoạt động bình thường. - Biển báo, chỉ dẫn: đầy đủ, rõ ràng và đảm bảo hoạt động theo quy định.

Phụ lục VI

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH THÔNG TIN, TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT

(Kèm theo Thông tư số 83 /2026/TT-BXD ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
I	**Đường truyền tải**		
1	Bảo dưỡng đường dây trần thông tin		
1.1	Cột thông tin, dây trần, cáp treo và phụ kiện trên cột	Kiểm tra trực quan tình trạng kỹ thuật tuyến đường dây thông tin. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các tiêu chuẩn truyền dẫn. Kiểm tra kết quả ghi chép trong sổ kiểm tra đường truyền tải, sổ lý lịch đường dây trần thông tin.	Tuyến đường cột đảm bảo đầy đủ phụ kiện, các yêu cầu về cơ khí, phù hợp với hồ sơ quản lý. Dây vượt đường bộ, đường sắt đáp ứng cao động tĩnh không theo quy định. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép. Tuyến cáp phù hợp với bản vẽ hoàn công.
1.2	Phạm vi bảo vệ tuyến đường dây trần thông tin	Kiểm tra trực quan phạm vi bảo vệ đường dây và đối chiếu với hồ sơ quản lý.	Phạm vi bảo vệ tuyến đường dây thông tin được lập, cập nhật đầy đủ hồ sơ. Các vị trí lấn chiếm phạm vi bảo vệ đường dây được theo dõi, cập nhật đầy đủ hồ sơ; thực hiện trách nhiệm thông báo, phối hợp xử lý với chính quyền địa phương và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.
2	Bảo dưỡng tuyến cáp		
2.1	Tuyến cáp và phụ kiện trên tuyến cáp	Kiểm tra trực quan tình trạng tuyến cáp.	Phụ kiện đầy đủ, chắc chắn. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng kiểm tra các thông số truyền dẫn, cách điện của cáp. Kiểm tra kết quả ghi chép trong sổ kiểm tra đường truyền tải, sổ lý lịch đường dây trần thông tin.	cho phép. Tuyến cáp phù hợp với bản vẽ hoàn công.
3	Thay thế phụ kiện	Kiểm tra trực quan về số lượng, trình tự thực hiện và quy cách lắp đặt khi thay thế cấu kiện, phụ kiện. Sử dụng thiết bị đo chuyên dùng để đo đạc các thông số điện khí trong trường hợp thay cáp và dây trần. Kiểm tra công tác hoàn thiện, kiểm tra bản vẽ hoàn công theo thực tế hiện trường *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).* Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Quy cách lắp đặt, thay thế phù hợp với tài liệu thiết kế. Việc thay thế được thực hiện theo các bước của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, phù hợp với tài liệu hướng dẫn sử dụng công trình, thiết bị. Vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, chỉ dẫn của nhà sản xuất. Tài liệu hoàn công được cập nhật đầy đủ *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).*
II	**Hệ thống trạm thông tin**		
1	Bảo dưỡng thiết bị thông tin kỹ thuật số		
1.1	Thiết bị truyền dẫn kỹ thuật số	Kiểm tra trực quan tình trạng hoạt động của thiết bị, liên thông kết nối,	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1.2	Thiết bị tách, ghép kênh kỹ thuật số	chất lượng cuộc gọi, các tín hiệu cảnh báo của hệ thống. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị hoạt động bình thường, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
1.3	Thiết bị tổng đài kỹ thuật số		
2	Bảo dưỡng thiết bị thông tin kỹ thuật tương tự		
2.1	Thiết bị truyền dẫn kỹ thuật tương tự	Kiểm tra trực quan tình trạng hoạt động của thiết bị, liên thông kết nối, chất lượng cuộc gọi, các tín hiệu cảnh báo của hệ thống. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động bình thường, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
2.2	Thiết bị tách, ghép kênh kỹ thuật tương tự		
2.3	Thiết bị tổng đài kỹ thuật tương tự		
3	Bảo dưỡng thiết bị đầu cuối, ngoại vi, phụ trợ	Kiểm tra trực quan tình trạng hoạt động của thiết bị, các tín hiệu cảnh báo của hệ thống. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra thông số kỹ thuật của thiết bị.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động bình thường, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	cho phép.
4	Bảo dưỡng thiết bị nguồn điện	Kiểm tra trực quan tình trạng hoạt động của thiết bị, các tín hiệu cảnh báo của hệ thống. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra thông số làm việc của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Sơ đồ bố trí, lắp đặt phù hợp với bản vẽ hoàn công. Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động bình thường, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
5	Thay thế phụ kiện	Kiểm tra trực quan về số lượng, trình tự thực hiện và quy cách lắp đặt khi thay thế cấu kiện, phụ kiện. Thử hoạt động của thiết bị sau khi thay thế, sử dụng thiết bị chuyên dùng để đo các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra công tác hoàn thiện, kiểm tra bản vẽ hoàn công theo thực tế hiện trường *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).* Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Quy cách lắp đặt, thay thế phù hợp với tài liệu thiết kế. Việc thay thế được thực hiện theo các bước của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, phù hợp với tài liệu hướng dẫn sử dụng công trình, thiết bị. Vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, chỉ dẫn của nhà sản xuất. Thiết bị sau khi thay thế hoạt động ổn định, an toàn, tương thích với cấu hình hệ thống. Tài liệu hoàn công được cập nhật đầy đủ *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).*

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
III	**Hệ thống thông tin tín hiệu ga**		
1	Bảo dưỡng thiết bị tín hiệu		
1.1	Thiết bị điều khiển, liên khóa	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Thử kiểm tra hoạt động của thiết bị. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra sổ nhật ký của đơn vị sử dụng thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động đúng sơ đồ liên khóa, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
1.2	Thiết bị quay ghi	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Thử kiểm tra hoạt động của thiết bị. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Các chuyển động được thực hiện linh hoạt; liên kết khóa ghi ổn định, chắc chắn. Thiết bị hoạt động đúng sơ đồ liên khóa, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
1.3	Hệ thống cột tín hiệu	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị.	Tầm nhìn tín hiệu liên tục và đảm bảo khoảng cách theo quy định.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		Thử kiểm tra hoạt động của tín hiệu trên cột. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra tầm nhìn tín hiệu bằng cách quan sát tại đầu máy hoặc sử dụng thiết bị hỗ trợ để quan sát với vị trí tương đương người lái tàu trên đầu máy. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn, sạch sẽ. Các tiêu chuẩn điện khí, cơ khí đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật. Các vị trí hạn chế tầm nhìn phải được theo dõi, cập nhật đầy đủ; thực hiện trách nhiệm thông báo, phối hợp xử lý với chính quyền địa phương.
1.4	Thiết bị phát hiện tàu	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Kiểm tra dữ liệu giám sát để theo dõi tình trạng hoạt động của thiết bị. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
2	Bảo dưỡng thiết bị thông tin		
2.1	Thiết bị thông tin kỹ thuật số	Kiểm tra trực quan tình trạng hoạt	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn, sạch sẽ.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
2.2	Thiết bị thông tin kỹ thuật tương tự	động của thiết bị, liên thông kết nối, chất lượng cuộc gọi, các tín hiệu cảnh báo của hệ thống. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra thông số kỹ thuật của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình. Kiểm tra sổ ghi chép của đơn vị sử dụng thiết bị.	Thiết bị hoạt động bình thường, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu, chất lượng cuộc gọi bảo đảm. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
3	Bảo dưỡng tuyến cáp truyền dẫn và cấp nguồn hạ thế	Kiểm tra trực quan tình trạng tuyến cáp. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng kiểm tra các thông số truyền dẫn, cách điện của cáp. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Phụ kiện đầy đủ, chắc chắn. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép. Tuyến cáp phù hợp với bản vẽ hoàn công.
4	Bảo dưỡng thiết bị nguồn điện	Kiểm tra trực quan tình trạng hoạt động của thiết bị, các tín hiệu cảnh báo của hệ thống. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra thông số làm việc của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật	Sơ đồ bố trí, lắp đặt phù hợp với bản vẽ hoàn công. Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động bình thường, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		ký bảo dưỡng công trình.	cho phép.
5	Thay thế phụ kiện	Kiểm tra trực quan về số lượng, trình tự thực hiện và quy cách lắp đặt khi thay thế cấu kiện, phụ kiện. Vận hành thử thiết bị, sử dụng thiết bị đo chuyên dùng để đo đạc các thông số kỹ thuật làm việc của thiết bị. Kiểm tra công tác hoàn thiện, kiểm tra bản vẽ hoàn công theo thực tế hiện trường *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).* Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Quy cách lắp đặt, thay thế phù hợp với tài liệu thiết kế. Việc thay thế được thực hiện theo các bước của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, phù hợp với tài liệu hướng dẫn sử dụng công trình, thiết bị. Vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, chỉ dẫn của nhà sản xuất. Tài liệu hoàn công được cập nhật đầy đủ *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).*
IV	**Hệ thống thông tin tín hiệu đường ngang có người gác, cầu chung, thông tin điểm cảnh giới**		
1	Bảo dưỡng thiết bị tín hiệu		
1.1	Hệ thống cột tín hiệu	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Thử kiểm tra hoạt động của tín hiệu trên cột. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn, vệ sinh sạch sẽ. Tầm nhìn tín hiệu đảm bảo khoảng cách; âm thanh cảnh báo đủ cường độ âm lượng theo quy định. Các tiêu chuẩn điện khí, cơ khí đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật. Các vị trí hạn chế tầm nhìn phải được theo dõi, cập nhật đầy đủ; thực hiện trách nhiệm thông báo, phối

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		Kiểm tra trực quan tầm nhìn tín hiệu của cột báo hiệu đường bộ; kiểm tra âm thanh chuông (loa) cảnh báo. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	hợp xử lý với chính quyền địa phương.
1.2	Đài thao tác kiêm tủ điều khiển đường ngang, cầu chung, tủ nguồn cần chắn, hộp thao tác chắn	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Thử kiểm tra hoạt động các tính năng của đài thao tác. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra sổ nhật ký của đơn vị sử dụng thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động đúng công năng thiết kế, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác phòng vệ đường ngang, không có tín hiệu cảnh báo.
1.3	Thiết bị cần chắn điện	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Thử kiểm tra hoạt động của thiết bị. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra sổ nhật ký của đơn vị sử dụng thiết bị.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Các chuyển động được thực hiện linh hoạt; liên kết khóa ổn định, chắc chắn. Thiết bị hoạt động đúng công năng thiết kế, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác phòng vệ đường ngang. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	cho phép.
1.4	Thiết bị phát hiện tàu	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Kiểm tra dữ liệu giám sát để theo dõi tình trạng hoạt động của thiết bị. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác phòng vệ đường ngang, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép. Thiết bị phát hiện tàu hư hỏng phải được kịp thời thay thế.
2	Bảo dưỡng điện thoại báo chắn đường ngang, chốt gác điểm cảnh giới, báo chắn cầu chung	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Thử hoạt động trực tiếp để kiểm tra kết nối và chất lượng cuộc gọi. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra thông số kỹ thuật của thiết bị. Kiểm tra sổ ghi chép của đơn vị sử dụng thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Chất lượng cuộc gọi bảo đảm, thiết bị hoạt động không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác phòng vệ đường ngang, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
3	Bảo dưỡng tuyến cáp truyền dẫn và cấp nguồn hạ thế	Kiểm tra trực quan tình trạng tuyến cáp. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng kiểm tra các thông số truyền dẫn, cách điện của cáp. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Phụ kiện đầy đủ, chắc chắn. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép. Tuyến cáp phù hợp với bản vẽ hoàn công.
4	Thay thế phụ kiện	Kiểm tra trực quan về số lượng, trình tự thực hiện và quy cách lắp đặt khi thay thế cấu kiện, phụ kiện. Vận hành thử thiết bị, sử dụng thiết bị đo chuyên dùng để đo đạc các thông số kỹ thuật làm việc của thiết bị. Kiểm tra công tác hoàn thiện, kiểm tra bản vẽ hoàn công theo thực tế hiện trường *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).* Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Quy cách lắp đặt, thay thế phù hợp với tài liệu thiết kế. Việc thay thế được thực hiện theo các bước của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, phù hợp với tài liệu hướng dẫn sử dụng công trình, thiết bị. Vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, chỉ dẫn của nhà sản xuất. Tài liệu hoàn công được cập nhật đầy đủ *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).*
V	**Hệ thống thông tin tín hiệu đường ngang cảnh báo tự động**		
1	Bảo dưỡng thiết bị tín hiệu		
1.1	Hệ thống cột tín hiệu	Quan sát trực quan trạng thái bình	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn, sạch sẽ.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		thường của thiết bị. Thử kiểm tra hoạt động của tín hiệu trên cột và chuông (loa) cảnh báo. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra trực quan tầm nhìn tín hiệu của cột báo hiệu đường bộ; kiểm tra âm thanh chuông (loa) cảnh báo. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Tầm nhìn tín hiệu đảm bảo khoảng cách; âm thanh cảnh báo đủ cường độ âm lượng theo quy định. Các tiêu chuẩn điện khí, cơ khí đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật. Các vị trí hạn chế tầm nhìn phải được theo dõi, cập nhật đầy đủ; thực hiện trách nhiệm thông báo, phối hợp xử lý với chính quyền địa phương.
1.2	Tủ điều khiển đường ngang	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Thử kiểm tra hoạt động các tính năng của tủ điều khiển. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra số liệu giám sát đường ngang cảnh báo tự động. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động đúng công năng thiết kế, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác phòng vệ đường ngang, không có tín hiệu cảnh báo.
1.3	Cần chắn tự động	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		Thử kiểm tra hoạt động của thiết bị. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra số liệu giám sát đường ngang cảnh báo tự động. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Các chuyển động được thực hiện linh hoạt; liên kết khóa ổn định, chắc chắn. Thiết bị hoạt động đúng công năng thiết kế, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác phòng vệ đường ngang. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
1.4	Thiết bị phát hiện tàu	Quan sát trực quan trạng thái bình thường của thiết bị. Kiểm tra dữ liệu giám sát để theo dõi tình trạng hoạt động của thiết bị. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra số liệu giám sát đường ngang cảnh báo tự động. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác phòng vệ đường ngang, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép. Thiết bị phát hiện tàu hư hỏng phải được kịp thời thay thế.
2	Bảo dưỡng tuyến cáp truyền dẫn và cấp nguồn hạ thế	Kiểm tra trực quan tình trạng tuyến cáp. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng kiểm tra các thông số truyền dẫn, cách điện của cáp. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật	Phụ kiện đầy đủ, chắc chắn. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép. Tuyến cáp phù hợp với bản vẽ hoàn công.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		ký bảo dưỡng công trình.	
3	Thay thế phụ kiện	Kiểm tra trực quan về số lượng, trình tự thực hiện và quy cách lắp đặt khi thay thế cấu kiện, phụ kiện. Vận hành thử thiết bị, sử dụng thiết bị đo chuyên dùng để đo đạc các thông số kỹ thuật làm việc của thiết bị. Kiểm tra công tác hoàn thiện, kiểm tra bản vẽ hoàn công theo thực tế hiện trường *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).* Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Quy cách lắp đặt, thay thế phù hợp với tài liệu thiết kế. Việc thay thế được thực hiện theo các bước của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, phù hợp với tài liệu hướng dẫn sử dụng công trình, thiết bị. Vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, chỉ dẫn của nhà sản xuất. - Tài liệu hoàn công được cập nhật đầy đủ *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).*
VI	**Hệ thống trung tâm giám sát thông tin, tín hiệu**		
1	Bảo dưỡng thiết bị giám sát	Kiểm tra trực quan tình trạng hoạt động của thiết bị, các tín hiệu cảnh báo của hệ thống. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số kỹ thuật làm việc của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Sơ đồ bố trí, lắp đặt phù hợp với bản vẽ hoàn công. Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động bình thường, không có trở ngại gây ảnh hưởng đến công tác chỉ huy, điều hành chạy tàu, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
2	Thay thế phụ kiện	Kiểm tra trực quan về số lượng, trình tự thực hiện và quy cách lắp đặt khi thay thế cấu kiện, phụ kiện. Thử hoạt động của thiết bị sau khi thay thế, sử dụng thiết bị chuyên dùng để đo các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra công tác hoàn thiện, kiểm tra bản vẽ hoàn công theo thực tế hiện trường *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).* Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Quy cách lắp đặt, thay thế phù hợp với tài liệu thiết kế. Việc thay thế được thực hiện theo các bước của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, phù hợp với tài liệu hướng dẫn sử dụng công trình, thiết bị. Vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, chỉ dẫn của nhà sản xuất. Thiết bị sau khi thay thế hoạt động ổn định, an toàn, tương thích với cấu hình hệ thống. Tài liệu hoàn công được cập nhật đầy đủ *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).*
VII	**Hệ thống trạm kiểm tu, nguồn**		
1	Bảo dưỡng thiết bị	Kiểm tra trực quan tình trạng hoạt động của thiết bị, các tín hiệu cảnh báo của hệ thống. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra thông số kỹ thuật của thiết bị. Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Sơ đồ bố trí, lắp đặt phù hợp với bản vẽ hoàn công. Thiết bị, phụ kiện đầy đủ, chắc chắn và được vệ sinh sạch sẽ. Thiết bị hoạt động bình thường, không có tín hiệu cảnh báo. Các chỉ tiêu điện khí đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho phép.
2	Công tác thay thế	Kiểm tra trực quan về số lượng, trình tự thực hiện và quy cách lắp đặt khi	Quy cách lắp đặt, thay thế phù hợp với tài liệu thiết kế.

TT	Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		thay thế cấu kiện, phụ kiện. Thử hoạt động của thiết bị sau khi thay thế, sử dụng thiết bị chuyên dùng để đo các thông số điện khí của thiết bị. Kiểm tra công tác hoàn thiện, kiểm tra bản vẽ hoàn công theo thực tế hiện trường *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).* Kiểm tra kết quả ghi chép trong nhật ký bảo dưỡng công trình.	Việc thay thế được thực hiện theo các bước của quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, phù hợp với tài liệu hướng dẫn sử dụng công trình, thiết bị. Vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, chỉ dẫn của nhà sản xuất. Thiết bị sau khi thay thế hoạt động ổn định, an toàn, tương thích với cấu hình hệ thống. Tài liệu hoàn công được cập nhật đầy đủ *(trong trường hợp có lập bản vẽ hoàn công).*

Phụ lục VII

MẪU BÁO CÁO XÁC NHẬN HOÀN THÀNH BẢO DƯỠNG CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ GIÁM SÁT CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH; MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT GIỮA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH VÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ GIÁM SÁT CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Thông tư số 83 /2026/TT-BXD ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu 01: Báo cáo xác nhận hoàn thành bảo dưỡng của đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình

(TÊN ĐƠN VỊ) _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/……	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO
XÁC NHẬN HOÀN THÀNH BẢO DƯỠNG CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ GIÁM SÁT CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: ……..

Thực hiện quy định về tiêu chí chất lượng, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, *[tên đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình]* báo cáo xác nhận hoàn thành bảo dưỡng như sau:

1. Tên nhiệm vụ: …

2. Phạm vi:

- Đoạn Km.... đến Km ... , tuyến đường sắt ...
- Đoạn Km.... đến Km ... , tuyến đường sắt ...

3. Đơn vị trực tiếp bảo trì công trình:…

4. Thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình:…

5. Đánh giá chất lượng bảo dưỡng công trình:

Bảng 5.1 - Đánh giá chất lượng hạng mục bảo dưỡng công trình

TT	Hạng mục đánh giá		Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Quy định làm căn cứ đánh giá	Đánh giá chất lượng
	Tên hạng mục	Khối lượng				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
…	…	...	…	…	…	...
…	…	…	…	…	…	…

Bảng 5.2 - Đánh giá chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị chủ yếu đưa vào công trình

TT	Vật tư, vật liệu, thiết bị		Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Quy định làm căn cứ đánh giá	Đánh giá chất lượng	Vị trí đưa vào công trình
	Chủng loại	Số lượng					
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(9)*
…	…	…	…	…	…	…	…
…	…	…	…	…	…	…	…

6. Kết luận, kiến nghị:…

6.1. Kết luận:

- Hạng mục đủ điều kiện nghiệm thu: …
- Hạng mục chưa đủ điều kiện nghiệm thu: …
- Danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị đủ điều kiện nghiệm thu: …
- Danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị chưa đủ điều kiện nghiệm thu: …

6.2. Kiến nghị:

- …

Đại diện đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi nội dung báo cáo:

1. Bảng đánh giá chất lượng bảo dưỡng:

Cột (1) ghi số thứ tự .

Cột (2) ghi tên hạng mục công việc, vật tư, vật liệu, thiết bị được đánh giá chất lượng.

Cột (3) ghi khối lượng công việc, số lượng vật tư, vật liệu, thiết bị.

Cột (4) xác định theo các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI tương ứng với hạng mục được đánh giá.

Cột (5) chi tiết nội dung yêu cầu, xác định theo các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI tương ứng với hạng mục được đánh giá trên cơ sở áp dụng quy định trong văn bản pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng.

Cột (6) liệt kê văn bản pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng hạng mục, đánh giá chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị chủ yếu đưa vào bảo dưỡng công trình.

Cột (7) đánh giá chất lượng theo 2 mức: đạt yêu cầu / không đạt yêu cầu.

Cột (8) ghi cụ thể địa điểm, vị trí đưa vật tư, vật liệu, thiết bị vào bảo dưỡng công trình.

2. Tùy theo nhóm công tác bảo dưỡng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được điều chỉnh biểu mẫu báo cáo nhưng phải bảo đảm tính thống nhất chung giữa các nhóm công tác bảo dưỡng.

Biểu mẫu 02: Biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt giữa đơn vị trực tiếp bảo trì công trình và đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

(tháng… năm…)

1. Đối tượng nghiệm thu

a) Nhiệm vụ: …

b) Phạm vi:

- Đoạn Km.... đến Km ... , tuyến đường sắt ...
- Đoạn Km.... đến Km ... , tuyến đường sắt ...

2. Thành phần tham gia nghiệm thu

a) Đại diện đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình

- Ông/ bà …… chức vụ: ……
- Ông/ bà …… chức vụ: ……

b) Đại diện đơn vị trực tiếp bảo trì công trình

- Ông/ bà …… chức vụ: ……
- Ông/ bà …… chức vụ: ……

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu

- Bắt đầu: ……
- Kết thúc: ……
- Tại:……

4. Tài liệu được sử dụng làm căn cứ để nghiệm thu

- Hợp đồng đặt hàng…
- Báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị trực tiếp bảo trì công trình
- Nhật ký bảo dưỡng công trình đường sắt …
- Dữ liệu giám sát công trình (nếu có) …
- Số liệu kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, kết quả theo dõi, đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng (nếu có) …

- Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng …

- Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt …

……

……

5. Kết luận nghiệm thu

a) Đồng ý nghiệm thu sản phẩm: ……. *(danh mục kèm theo, tương ứng với kết quả đánh giá chất lượng tại Bảng 5.1 và Bảng 5.2 Biểu mẫu 01 của Phụ lục này).*

b) Không nghiệm thu sản phẩm: ……. *(danh mục kèm theo, tương ứng với kết quả đánh giá chất lượng tại Bảng 5.1 và Bảng 5.2 Biểu mẫu 01 của Phụ lục này).*

c) Yêu cầu khác (nếu có): ….

Các bên tham gia nghiệm thu, xác nhận cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung tại biên bản nghiệm thu này.

Biên bản này đã được các bên thống nhất thông qua lúc … giờ … ngày …tháng… năm…, được lập thành … bản, mỗi bản bao gồm … trang, mỗi bên giữ …bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện đơn vị trực tiếp bảo trì công trình *(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*	**Đại diện đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình** *(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Hướng dẫn cách ghi nội dung biên bản: *Tùy theo nhóm công tác bảo dưỡng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được điều chỉnh biểu mẫu biên bản nghiệm thu nhưng phải bảo đảm tính thống nhất chung giữa các nhóm công tác bảo dưỡng.*